



**TẦM NHÌN THẾ GIỚI
ĐÓNG GÓP CHO AN SINH TRẺ EM
TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2013**



CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Giải nghĩa
ALM	: Phương pháp học tập tích cực
ASTE	: An sinh trẻ em
BVTE	: Bảo vệ trẻ em
CCA	: Thích ứng với biến đổi khí hậu
CCM	: Phương pháp lấy trẻ làm trọng tâm
CDPP/ CBDRRP	: Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó với rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
CGS	: Công cụ khảo sát bà mẹ
CRC	: Công ước quốc tế về Quyền trẻ em
CTPTV	: Chương trình Phát triển Vùng
DAP	: Công cụ lược sử tiềm lực phát triển
DRR	: Giảm nhẹ rủi ro thiên tai
ECCD	: Chăm sóc và phát triển trẻ mầm non
FLAT	: Công cụ khảo sát đọc hiểu
HBC	: Nhóm trẻ gia đình tư thực
HEA	: Cứu trợ khẩn cấp
LD-TB-XH	: Lao động, Thương binh và Xã hội
MVC	: Trẻ dễ bị tổn thương nhất
NTC	: Năm tài chính
PCPQT	: Phi Chính phủ Quốc tế
PTC	: Ban phụ huynh giáo viên
RRT	: Nhóm phụ trách công tác Cứu trợ khẩn cấp
SLBĐ	: Số liệu ban đầu
TNTGVN	: Tâm nhìn Thế giới Việt Nam
VDB	: Ban phát triển thôn bản
VDI	: Sáng kiến phát triển thôn bản
YHBS	: Công cụ khảo sát hành vi lãnh mạng của thanh thiếu niên

MỤC LỤC

Các từ viết tắt	2
Tóm tắt tổng quan	5
Giới thiệu	6
Bối cảnh	8
Chỉ tiêu ASTE #1 – trẻ em báo cáo mức độ ASTE tăng lên	9
Mục tiêu 1: Cải thiện khả năng tiếp cận và chất lượng giáo dục cho trẻ em, bao gồm đào tạo nghề	12
Mục tiêu 2: Giảm tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 5 tuổi	15
Mục tiêu 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và đối tác địa phương nhằm cải thiện an sinh trẻ em	19
Mục tiêu 4: Thúc đẩy quyền trẻ em	21
Mục tiêu 5: Tăng cường năng lực cho cộng đồng nhằm quản lý rủi ro thảm họa và khủng hoảng	24
Mục tiêu 6: Ưu tiên trẻ dễ bị tổn thương nhất	26
Kết luận	27

DANH SÁCH CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 1:	Tiến trình báo cáo	6
Bảng 2:	Đánh giá và Khảo sát SLBĐ trong NTC 2013	7
Bảng 3:	Chỉ số chỉ tiêu ASTE chuẩn và đo lường chỉ tiêu ASTE trong NTC 2013	7
Bảng 4:	Vấn đề chung trong các tài liệu thiết kế NTC 2013	9
Bảng 5:	Kết quả khảo sát DAP	10
Bảng 6:	Những bài học và đề xuất đối với Chỉ tiêu ASTE #1	11
Bảng 7:	Các nguồn lực dành cho giáo dục trong NTC 2013	12
Bảng 8:	Kết quả giáo dục mầm non	12
Bảng 9:	Kết quả chỉ tiêu ASTE #4	13
Bảng 10:	Kết quả đào tạo nghề	14
Bảng 11:	Những bài học và đề xuất đối với mục tiêu 1	14
Bảng 12:	Nguồn lực dành cho sức khỏe/ dinh dưỡng trong NTC 2013	15
Bảng 13:	Kết quả chỉ tiêu ASTE #2	15
Bảng 14:	Kết quả chỉ tiêu ASTE #3	17
Bảng 15:	Những bài học và đề xuất đối với mục tiêu 2	18
Bảng 16:	Nguồn lực dành cho xây dựng năng lực trong NTC 2013	19
Bảng 17:	Kết quả xây dựng năng lực	19
Bảng 18:	Những bài học và đề xuất đối với mục tiêu 3	20
Bảng 19:	Nguồn lực dành cho quyền trẻ em trong NTC 2013	21
Bảng 20:	Kết quả quyền trẻ em	21
Bảng 21:	Những bài học và đề xuất đối với mục tiêu 4	23
Bảng 22:	Nguồn lực dành cho cứu trợ khẩn cấp/ giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong NTC 2013	24
Bảng 23:	Kết quả cứu trợ khẩn cấp/ giảm nhẹ rủi ro thiên tai	24
Bảng 24:	Trẻ được hưởng lợi từ chương trình tài chính vi mô	25
Bảng 25:	Những bài học và đề xuất đối với mục tiêu 5	25
Bảng 26:	Những bài học và đề xuất đối với mục tiêu 6	26

DANH SÁCH CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Mục đích chiến lược và các mục tiêu chiến lược của TNTGVN NTC 2012-2014	6
Biểu đồ 2: Kết quả hưởng đến chỉ tiêu ASTE #1	9
Biểu đồ 3: Kết quả khảo sát DAP	10
Biểu đồ 4: Kết quả khảo sát YHBS	10
Biểu đồ 5: Tỷ lệ nhập học của trẻ 3-5 tuổi	13
Biểu đồ 6: Kết quả FLAT	13
Biểu đồ 7: % Trẻ dưới 5 tuổi bị tiêu chảy trong hai tuần vừa qua được điều trị đúng cách	16
Biểu đồ 8: % Trẻ dưới 5 tuổi chẩn đoán mắc bệnh viêm phổi cấp được cung cấp dịch vụ y tế thích hợp	16
Biểu đồ 9: % Hộ gia đình có nhà xí hợp vệ sinh (MDG7.9)	16
Biểu đồ 10: % Hộ gia đình được tiếp cận với nguồn nước sạch (MDG 7.8)	16
Biểu đồ 11: Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng theo vùng	17
Biểu đồ 12: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở các CTPTV đã tiến hành đánh giá trong NTC 2013	18
Biểu đồ 13: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở các CTPTV đã tiến hành đánh giá trong NTC 2013	18
Biểu đồ 14: Tổng số VDB và số VDB hoạt động hiệu quả theo CTPTV	20
Biểu đồ 15: Số lượng dự án nhỏ do trẻ khởi xướng và quản lý theo CTPTV	22
Biểu đồ 16: % Hộ gia đình không sử dụng bất cứ cơ chế thích ứng nào trong năm qua	25

TÓM TẮT TỔNG QUAN

Báo cáo này được thực hiện dựa trên tất cả các báo cáo năm của các Chương trình Phát triển Vùng (CTPTV)/Dự án, 8 báo cáo đánh giá, 4 báo cáo khảo sát số liệu ban đầu (SLBD) và các kết quả đo lường chỉ tiêu An sinh trẻ em (ASTE) được thực hiện trong năm Tài chính (NTC) 2013. Báo cáo này đã được tất cả các thành viên nhóm điều phối và các bên liên quan gồm có Nhóm Hỗ trợ chương trình xem xét và trình lên Giám đốc Quốc gia phê duyệt.

Sau đây là những phát hiện và đề xuất nổi bật đối với Mục đích và 6 mục tiêu chiến lược:

Mục đích chiến lược: An sinh bền vững cho trẻ em, đặc biệt là trẻ dễ bị tổn thương nhất (MVC).

Trong NTC 2013, Tổ chức Tâm nhìn Thế giới Việt Nam (TNTGVN) đã sử dụng công cụ DAP để đo lường chỉ tiêu ASTE #1 ở 3 CTPTV và công cụ YHBS ở 10 CTPTV. Vì SLBD chưa có ở các CTPTV được tiến hành đánh giá, cũng như chiến lược hiện nay của TNTGVN ưu tiên trẻ dưới 12 tuổi nên các kết quả và phân tích về sự đóng góp của TNTGVN có phần hạn chế. Tuy nhiên, những số liệu đo được rất hữu ích trong việc thiết lập SLBD cho các thiết kế CTPTV/dự án và Chiến lược Quốc gia NTC 2015-2017 của TNTGVN. TNTGVN cần xem xét việc hỗ trợ thêm cho thanh thiếu niên 12-18 tuổi để tiếp tục xây dựng những tiềm lực quan trọng, theo kết quả đo DAP và YHBS, bởi lứa tuổi này đang ngày càng dễ bị tổn thương.

Mục tiêu 1: Cải thiện khả năng tiếp cận và chất lượng giáo dục cho trẻ em, bao gồm đào tạo nghề

Vào tháng 06/2013, TNTGVN đã tiến hành đo tỉ lệ trẻ học hết lớp 5 có khả năng đọc hiểu thành thạo ở 38 CTPTV đang ở giai đoạn thực hiện. Kết quả thật đáng khích lệ, trung bình 71,2% trẻ có khả năng đọc hiểu thành thạo và có 15/38 CTPTV đạt kết quả ở mức độ rủi ro thấp, tức trên 80%. Tuy nhiên, kết quả của trẻ dân tộc thiểu số và khuyết tật thấp hơn nhiều so với trẻ người Kinh. 3/38 CTPTV có tỉ lệ trẻ có khả năng đọc hiểu thành thạo dưới 50%, tức ở mức độ nguy cấp, đều thuộc tỉnh Điện Biên, nơi có hơn 90% trẻ em là người dân tộc thiểu số. TNTGVN cần quan tâm nhiều hơn đến việc cải thiện khả năng đọc hiểu cho các nhóm trẻ dễ bị tổn thương này, đặc biệt là cung cấp tập huấn về giáo dục hòa nhập và phương pháp dạy tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai cho giáo viên, cũng như thúc đẩy văn hóa đọc thông qua các câu lạc bộ đọc sách.

Mục tiêu 2: Giảm tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 5 tuổi.

Dựa trên các đánh giá được thực hiện trong NTC 2013, tỉ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đã giảm từ 7% đến 10,8%. Theo kết quả đo chỉ tiêu ASTE #3 ở 34 CTPTV, tỉ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi đã giảm 3%, từ 34% vào tháng 12/2012 xuống còn 30,2% vào tháng 06/2013. Tuy nhiên, mức độ giảm không đồng đều giữa các CTPTV. Vì vậy, TNTGVN nên áp dụng cách tiếp cận đa chiều để giải quyết vấn đề này, đặc biệt ở những CTPTV ở giai đoạn 2 có tỉ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở mức độ nguy cấp, trên 30%.

Mục tiêu 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và đối tác địa phương nhằm cải thiện ASTE.

Mô hình Ban phát triển thôn bản (VDB) đã được đưa vào thực hiện ở 30 CTPTV trong những năm gần đây với tổng số VDB lên đến 798, trong đó có 48,5% đang hoạt động hiệu quả dựa trên các tiêu chí đánh giá do TNTGVN đưa ra. Tuy nhiên, các CTPTV ở giai đoạn 2 và giai đoạn chuyển giao cần ưu tiên nâng cao hiệu quả và tính bền vững của các VDB hiện có thay vì thành lập mới. Hai lĩnh vực chính cần được quan tâm nhiều hơn là năng lực huy động nguồn lực từ cộng đồng và sự đóng góp của các VDB đối với an sinh của nhóm MVC thông qua các sáng kiến phát triển thôn bản (VDI).

Mục tiêu 4: Thúc đẩy quyền trẻ em

TNTGVN đang thực hiện nhiều can thiệp để thúc đẩy công tác bảo vệ trẻ em (BVTE) và sự tham gia của trẻ như: câu lạc bộ trẻ em, dự án nhỏ, diễn đàn trẻ em, hệ thống và mạng lưới BVTE dựa vào cộng đồng, vận động thay đổi chính sách... Tuy nhiên, để những nỗ lực này thật sự đem đến những tác động tích cực trên đời sống của trẻ thì hiệu quả của những mô hình này và công tác tài liệu hóa cần được củng cố trong thời gian sắp tới.

Mục tiêu 5: Tăng cường năng lực cho cộng đồng nhằm quản lý rủi ro thiên tai và khủng hoảng

Nhiều CTPTV/Dự án đã đưa vào thực hiện kế hoạch phòng ngừa và ứng phó với rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CDPP/CBDRRP) ở cấp thôn bản và mô hình giảm nhẹ rủi ro thiên tai (DRR) lấy trẻ em làm trung tâm để nâng cao khả năng phòng ngừa và chống chịu tác động tiêu cực của thiên tai do biến đổi khí hậu gây nên. Để tối đa hóa tác động đối với trẻ, các nỗ lực trong công tác cứu trợ khẩn cấp/ giảm nhẹ rủi ro thiên tai (HEA/DRR) cần được lồng ghép tốt hơn với những lĩnh vực khác như y tế, BVTE, nông nghiệp, vận động chính sách và tài chính vi mô...

Mục tiêu 6: Ưu tiên MVC

TNTGVN luôn đặt trẻ em làm trọng tâm và ưu tiên MVC ở những địa bàn hoạt động. 30 CTPTV đã cùng với chính quyền địa phương lập danh sách MVC. 33 CTPTV và 7 dự án đặc biệt có những can thiệp cho MVC. Tuy nhiên, để cải thiện và đo lường an sinh của MVC, TNTGVN cần phát triển một tài liệu hướng dẫn về cách thức can thiệp đối với từng nhóm MVC, cũng như, phân loại số liệu đo đạt theo các nhóm MVC khi có thể nhằm hiểu rõ hơn về những phạm trù như: dân tộc, giới tính, khuyết tật và BVTE.

¹ VDB (Ban Phát triển thôn): là một kiểu tổ chức cộng đồng, do người dân địa phương thành lập, vận hành, duy trì và được chứng minh là hiệu quả trong bối cảnh Việt Nam.

GIỚI THIỆU

Mục đích của báo cáo này là cung cấp một bức tranh tổng quan về đóng góp của TNTGVN đối với ASTE trong NTC 2013. TNTGVN xác định những đóng góp này thông qua những thành tựu đạt được so với 6 mục tiêu chiến lược đã đề ra cho giai đoạn NTC 2012-2014. Chiến lược quốc gia của TNTGVN đóng góp cho cả 4 chỉ tiêu ASTE. Tuy nhiên, trong bối cảnh đặc biệt của Việt Nam, TNTGVN ưu tiên trẻ dưới 12 tuổi do tình đề bị tổn thương cao của các em ở lứa tuổi này, cũng như thế mạnh của TNTGVN đối với những mô hình dự án cụ thể. Báo cáo này giúp TNTGVN đưa ra những quyết định cho chiến lược giai đoạn NTC 2015-2017 sắp tới.

BIỂU ĐỒ 1 – MỤC ĐÍCH CHIẾN LƯỢC VÀ CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC CỦA TNTGVN NTC 2012-2014

MỤC ĐÍCH CHIẾN LƯỢC: AN SINH BỀN VỮNG CHO TRẺ EM, ĐẶC BIỆT LÀ MVC	
Chỉ tiêu ASTE #1 – Trẻ 12-18 tuổi tự báo cáo mức độ an sinh tăng lên	
CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	CÁC KẾT QUẢ CHIẾN LƯỢC
Mục tiêu 1: Cải thiện khả năng tiếp cận và chất lượng giáo dục cho trẻ, bao gồm đào tạo nghề	<ul style="list-style-type: none"> Tăng tỉ lệ nhập học ở trẻ 3-4 tuổi Chỉ tiêu ASTE #4 - Tăng số lượng trẻ có khả năng đọc hiểu thành thạo ở tuổi 11. Thực hiện những can thiệp hiệu quả về đào tạo nghề cho trẻ 15-18 tuổi.
Mục tiêu 2: Giảm tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 5 tuổi	<ul style="list-style-type: none"> Chỉ tiêu ASTE #2 – Tăng số trẻ dưới 5 tuổi được bảo vệ để không bị lây nhiễm bệnh tật Chỉ tiêu ASTE #3 – Tăng số trẻ dưới 5 tuổi được nuôi dưỡng đầy đủ
Mục tiêu 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và đối tác địa phương nhằm cải thiện ASTE	<ul style="list-style-type: none"> Cải thiện hiệu quả của các tổ nhóm cộng đồng
Mục tiêu 4: Thúc đẩy quyền trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> Củng cố và nhân rộng hệ thống BVTE dựa vào cộng đồng. Trao quyền và tạo cơ hội cho trẻ khởi xướng/ quản lý một số dự án nhỏ. Thúc đẩy tiếng nói của trẻ về quyền trẻ em ở các cấp Vận động chính sách về quyền trẻ em dựa trên những bằng chứng thuyết phục.
Mục tiêu 5: Tăng cường năng lực cho cộng đồng để quản lý rủi ro thảm họa và khủng hoảng	<ul style="list-style-type: none"> Nhân rộng CDPP/ CBDRRP ở cấp thôn bản Nhân rộng mô hình DRR lấy trẻ em làm trung tâm Tăng tỉ lệ hộ gia đình có trẻ tiếp cận được với dịch vụ tài chính vi mô

BẢNG 1 – TIẾN TRÌNH BÁO CÁO

Công việc	Người phụ trách	Thời gian
Chuẩn bị (bao gồm lập kế hoạch và truyền thông)	Nhóm điều phối	03-10/ 2013
Liệt kê các nguồn dữ liệu và tổng hợp thông tin định tính và định lượng từ các báo cáo liên quan	Nhóm điều phối Nhân viên kỹ thuật vùng	11/2013
Tổng hợp thông tin thứ cấp để hiểu thêm về bối cảnh	Điều phối viên quốc gia	11/2013
Phân tích thông tin (bao gồm hội thảo phân tích thông tin và hội thảo các bên liên quan)	Nhóm điều phối Ban lãnh đạo Đại diện quản lý CTPTV Nhân viên kỹ thuật vùng	12/2013– 01/2014
Viết báo cáo	Nhóm điều phối	02/2014

BẢNG 2 – ĐÁNH GIÁ VÀ KHẢO SÁT SLBD TRONG NTC 2013

Tên CTPTV	Đánh giá ²	Tên CTPTV ³	Khảo sát SLBD
CTPTV Điện Biên Đông	Đánh giá cuối Giai đoạn I	CTPTV Ngô Quyền	SLBD cho Giai đoạn I
CTPTV Tòa Chùa	Đánh giá cuối Giai đoạn I	CTPTV Minh Long	SLBD cho Giai đoạn I
CTPTV Hàm Thuận Bắc	Đánh giá cuối Giai đoạn I	CTPTV Trạm Tấu	SLBD cho Giai đoạn 2
CTPTV Nông Sơn	Đánh giá cuối Giai đoạn I	CTPTV Hương Hóa	SLBD cho Giai đoạn 2
CTPTV Quan Sơn	Đánh giá cuối Giai đoạn I		
CTPTV Bá Thước	Đánh giá cuối Giai đoạn I		
CTPTV Kim Động	Đánh giá cuối Giai đoạn 3		
CTPTV Phù Cừ	Đánh giá cuối Giai đoạn 3		

BẢNG 3 – CHỈ SỐ CHỈ TIÊU ASTE CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG CHỈ TIÊU ASTE TRONG NTC 2013

Chỉ tiêu	Chỉ số chuẩn	Công cụ	# CTPTV
1	Mức độ của các tiềm lực và bối cảnh mà trẻ đang sống, học tập và làm việc, được báo cáo bởi trẻ 12-18 tuổi	DAP ⁴	3
	Tỉ lệ trẻ có giấy khai sinh	YHBS ⁵	
	Tỉ lệ trẻ không bị đói khi đi ngủ		
	Tỉ lệ trẻ có mối liên hệ mật thiết với cha mẹ hoặc người chăm sóc		
2	Tỉ lệ trẻ đánh giá bản thân đang ở mức “phát triển tốt” trên thang đo chất lượng cuộc sống	CGS ⁶	10
	Tỉ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị tiêu chảy trong 2 tuần vừa qua được điều trị đúng cách.		
3	Tỉ lệ trẻ dưới 5 tuổi chẩn đoán mắc bệnh viêm phổi cấp được cung cấp dịch vụ y tế thích hợp	CGS	34
	Tỉ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân		
	Tỉ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể gầy còm		
4	Tỉ lệ trẻ học hết lớp 5 đọc hiểu thành thạo	FLAT ⁷	38

2 CTPTV Kim Động và Phù Cừ thực hiện đánh giá trong NTC 2012 nhưng các báo cáo được hoàn tất trong NTC 2013

3 Trong NTC 2013, TNTGVN tiến hành khảo sát SLBD ở 7 CTPTV nhưng hiện chỉ có 4 CTPTV hoàn tất báo cáo. 3 CTPTV còn lại là Thường Xuân, Sơn Tây, Cẩm Thủy.

4 DAP (Lược sử Tiềm lực Phát triển) là một công cụ khảo sát gồm 58 mục của viện Search dùng để đo lường hiện trạng và sự thay đổi theo thời gian của 8 phạm trù phát triển theo khung tiềm lực phát triển của viện Search.

5 YHBS (Khảo sát Hành vi Lành mạnh ở thanh thiếu niên) là một công cụ định lượng dùng cho thanh thiếu niên từ 12-18 tuổi, có thể có đến 9 bộ. Bộ “an sinh của tôi” giúp đo lường 4 phạm trù ASTE quan trọng, bao gồm: quyền trẻ em, tình trạng nghèo đói cùng cực, mối liên hệ với người chăm sóc và tự đánh giá an sinh.

6 CGS (Khảo sát bà mẹ) là một công cụ khảo sát định lượng theo hộ gia đình có thể lên đến 15 bộ nhằm thu thập phản hồi từ người chăm sóc trẻ chính trong hộ gia đình. TNTGVN điều chỉnh công cụ này để đo lường chỉ số ASTE #2 và #3.

7 FLAT (Công cụ khảo sát đọc hiểu) được thiết kế nhằm đo lường mức độ đọc hiểu cao nhất mà trẻ có thể thực hiện một cách thành thạo vào gần cuối giai đoạn giáo dục cơ sở hay tiểu học.

BỐI CẢNH

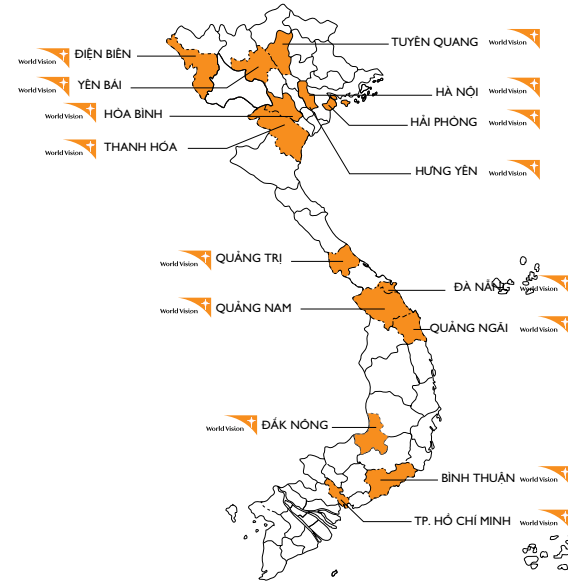
Sau đây là những yếu tố tạo điều kiện thuận lợi cho TNTGVN hoạt động hiệu quả tại Việt Nam trong NTC 2013:

- Việt Nam khẳng định chính sách thúc đẩy và cải thiện quan hệ hợp tác với các Tổ chức Phi Chính phủ Quốc tế (PCPQT). Sau khi Nghị định 12/2012/ND-CP của Chính phủ được ban hành, giấy phép đăng ký hoạt động của TNTGVN đã được gia hạn 5 năm (thay vì 3 năm như trước đây).
- Chính phủ Việt Nam ngày càng cam kết đầu tư cho sự phát triển kinh tế và xã hội của đất nước. Ngân sách Nhà nước cho y tế công đã tăng từ 5,5% trong năm 2004 lên 9,4% trong năm 2012⁸.

Tuy nhiên, trong năm qua, TNTGVN đã đối diện với một số trở ngại, bao gồm:

- Trong thập kỷ qua, tình trạng nghèo đói đã giảm ở hầu hết các tỉnh thành và quận huyện, nhưng mức giảm ở những khu vực ban đầu có tỉ lệ nghèo đói cao là ít nhất. Tỉ lệ nghèo đói vẫn cao nhất ở các vùng miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, nơi phần lớn dân cư là đồng bào dân tộc thiểu số. Hơn nữa, sự chênh lệch kinh tế xã hội càng lúc càng lớn dần giữa người giàu và người nghèo, giữa thành thị và nông thôn, giữa người Kinh và người dân tộc thiểu số⁹. Sự chênh lệch này càng trở nên trầm trọng hơn do tình trạng khủng hoảng kinh tế trong những năm gần đây khiến những hộ gia đình trước đây đã thoát nghèo nhưng nay lại đối mặt với nguy cơ đói nghèo một lần nữa.
- Tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi vẫn ở mức cao, đòi hỏi Nhà nước và các cơ quan phát triển phải đặc biệt chú tâm hơn. 15/63 tỉnh thành có tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi cao hơn 30%, tập trung ở 3 vùng: Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ và Miền Núi phía Bắc nơi TNTGVN đang hoạt động. Trong năm 2011, Việt Nam có 1.635.000 trẻ bị suy dinh dưỡng thể thấp còi, xếp thứ 17 trên 81 quốc gia xét về số lượng trẻ bị suy dinh dưỡng thể thấp còi, kể đến là Myanmar xếp thứ 19 và Campuchia thứ 36¹⁰.
- Chất lượng giáo dục kém vẫn là một vấn đề. Một trong những lý do chính là việc thiếu những cơ hội học tập linh hoạt và đáp ứng đúng nhu cầu của các nhóm trẻ chịu thiệt thòi khác nhau¹¹.
- Hiện nay, chưa có một hệ thống quản lý dữ liệu toàn diện và nguồn số liệu đáng tin cậy nào về những vấn đề BVTE, bao gồm số liệu về tệ nạn mại dâm trẻ em, buôn bán hay ngược đãi trẻ vốn rất quan trọng¹².
- Quá trình phê duyệt của Nhà nước đối với những dự án mới ở các tỉnh thành mới vẫn mất nhiều thời gian và đầy thách thức. TNTGVN buộc phải hủy dự án thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng tại Cà Mau vì đối tác chính quyền địa phương muốn áp đặt giới hạn đi lại trong địa bàn dự án đối với các nhân viên TNTGVN, giới hạn khả năng hoạt động hiệu quả của tổ chức tại tỉnh này.
- Cơ hội việc làm cho lực lượng lao động trẻ và có năng lực tăng. Việc tuyển dụng những nhân viên có năng lực và tâm huyết cho những vị trí đòi hỏi kỹ thuật cao là cực kỳ khó khăn, đặc biệt ở những khu vực vùng sâu vùng xa. Đây là thách thức lớn nhất đối với TNTGVN trong việc tăng trưởng và triển khai chiến lược. Hiện có hơn 900 tổ chức PCPQT đang hoạt động tại Việt Nam khiến cho công tác tuyển dụng càng trở nên khó khăn.

Bất chấp nhiều thách thức, TNTGVN tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ các văn phòng tài trợ để mở rộng hoạt động ở Việt Nam và đáp ứng nhu cầu của trẻ em, đặc biệt là MVC. TNTGVN đã mở thêm được 3 CTPTV mới trong NTC 2013, nâng tổng số CTPTV lên thành 43¹³. Tổ chức cũng đã xin tài trợ thành công cho 15 dự án từ nguồn chính phủ và các nguồn khác, bao gồm: Chiến dịch Sức khỏe trẻ em toàn cầu (Child Health Now Campaign), BVTE, Làm mẹ an toàn (Safe Motherhood), Năng lượng sạch và có thể tái tạo (EEP/REEP), Môi Trường, Gia Súc, và giai đoạn 2 của Dự án phòng ngừa rủi ro thiên tai ở tỉnh Thanh Hóa (CATREND)... Tổng ngân sách tăng 13,13%, từ 16.620.623 đôla Mỹ trong NTC 2012 lên 18.802.577 đôla Mỹ trong NTC 2013. Nguồn thu từ chính phủ và các nguồn khác chiếm 17% trong NTC 2013 so với 13% trong NTC 2012. Thông qua các chương trình và dự án phát triển hoạt động trên 14 tỉnh thành, TNTGVN đã giúp cải thiện an sinh cho 606.945 trẻ, trong đó có 207.046 trẻ được hưởng lợi trực tiếp và 396.899 trẻ còn lại được hưởng lợi gián tiếp.



8 Ngân hàng Thế giới

9 Ngân hàng Thế giới, Bản đồ nghèo đói của Việt Nam, 2013

10 Quỹ nhi đồng Liên hiệp quốc, Cải thiện dinh dưỡng trẻ em, 2013

11 Ngân hàng Thế giới, Cơ quan Hợp tác Phát triển Bỉ và Cơ quan Viện trợ thuộc Bộ Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (2011), Giáo dục chất lượng cao cho tất cả mọi người ở Việt Nam tới năm 2020. Tập 1: Tổng quan/báo cáo chính sách

12 Quỹ nhi đồng Liên hiệp quốc

13 Tổng số lượng CTPTV trong NTC 2014 là 47

CHỈ TIÊU ASTE #1: TRẺ EM BÁO CÁO MỨC ĐỘ ASTE TĂNG LÊN

Tỉ lệ nghèo đói đa chiều của trẻ em trong năm 2010 là 29,6%. Sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn dần giữa các khu vực và các nhóm dân cư trên cả nước. Ví dụ: tỉ lệ trẻ nghèo ở nông thôn là 34,5% so với 15,9% ở thành thị¹⁴.

Theo tài liệu (tái) thiết kế của 12 CTPTV trong NTC 2013, trẻ em 12-18 tuổi đối mặt những vấn đề chính dưới đây:

BẢNG 4 – VẤN ĐỀ CHUNG TRONG CÁC TÀI LIỆU (TÁI) THIẾT KẾ NTC 2013

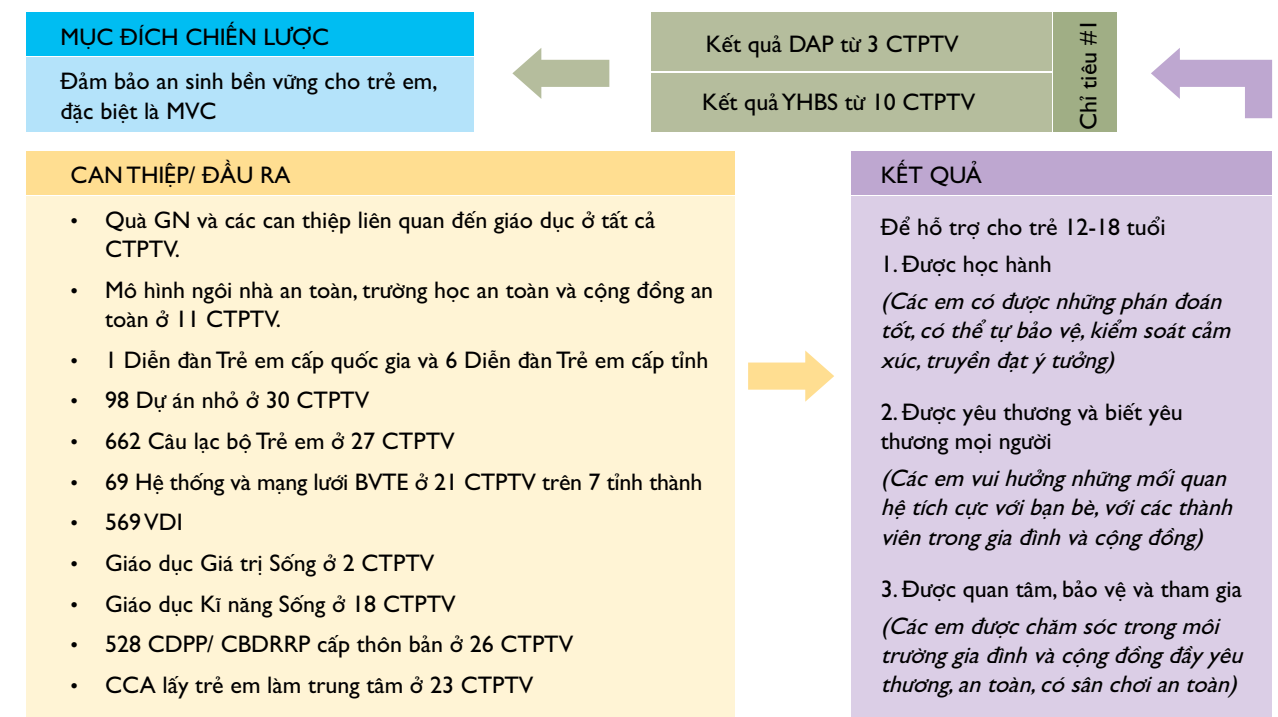
Khát vọng ASTE	Những vấn đề nổi bật
Trẻ được học hành	<ul style="list-style-type: none"> Thiếu những kỹ năng và giá trị sống Thiếu những chương trình đào tạo nghề cho trẻ bỏ học Thiếu những tấm gương tốt từ người lớn
Trẻ được yêu thương và biết yêu thương mọi người ¹⁵	<ul style="list-style-type: none"> Thiếu sự quan tâm và chăm sóc từ cha mẹ về mặt tinh thần và xã hội Thiếu hy vọng cho tương lai
Trẻ được quan tâm, bảo vệ và tham gia	<ul style="list-style-type: none"> Thiếu sự tham gia của trẻ Thiếu những nơi an toàn cho trẻ Tham gia vào những lối sống và tệ nạn tiêu cực như cờ bạc, rượu chè, nghiện game hay thuốc kích thích ở các khu vực thành thị... Thiếu hệ thống BVTE hoạt động hiệu quả

Mặc dù chiến lược của TNTGVN ưu tiên trẻ dưới 12 tuổi nhưng vẫn có một số mô hình dự án tập trung giải quyết những vấn đề của thanh thiếu niên. Lĩnh vực này ngày càng trở nên quan trọng, đòi hỏi nhiều hỗ trợ hơn từ TNTGVN trong tương lai.

CÁC KẾT QUẢ VÀ PHÂN TÍCH

Dựa theo các báo cáo năm và báo cáo đánh giá được thực hiện trong NTC 2013, những can thiệp sau đây đã góp phần xây dựng tiềm lực cho trẻ (được đo bởi công cụ DAP) cũng như đóng góp cho 4 phạm trù ASTE: quyền trẻ em, tình trạng nghèo đói cùng cực, mối liên hệ với người chăm sóc, cảm nhận chung về ASTE (được đo bởi công cụ YHBS).

BIỂU ĐỒ 2 – CÁC KẾT QUẢ HƯỚNG ĐẾN CHỈ TIÊU ASTE #1



Hầu hết những mô hình/can thiệp được đề cập đều tập trung vào trẻ dưới 12 tuổi, tuy nhiên chúng cũng góp phần cải thiện an sinh trẻ 12-18 tuổi.

14 Tổng cục thống kê, Khảo sát về mức sống của hộ gia đình tại Việt Nam năm 2010

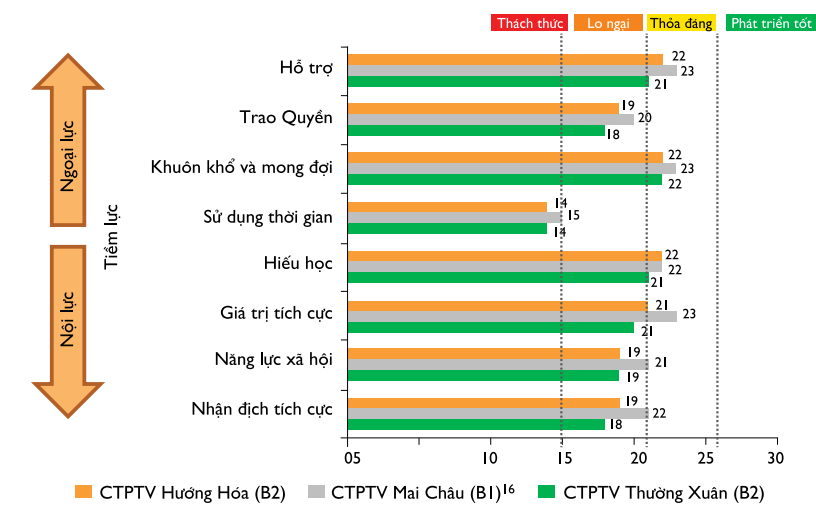
15 TNTGVN điều chỉnh khát vọng ASTE #3 theo bối cảnh

KHẢO SÁT DAP

BẢNG 5 – KẾT QUẢ KHẢO SÁT DAP

Mức độ của các tiềm lực và bối cảnh mà trẻ đang sống, học tập và làm việc, được báo cáo bởi trẻ 12-18 tuổi	Hương Hóa (N=227)	Mai Châu (N=241)	Thường Xuân (N=245)
Tổng (thang điểm 0-60)	40	42	38
Ngoại lực (thang điểm 0-30)	19	20	19
Nội lực (thang điểm 0-30)	20	22	19

Dựa vào các kết quả DAP ở Bảng 5, số điểm của nội lực ở cả 3 CTPTV được đo đều có xu hướng cao hơn số điểm của ngoại lực. Trong khi ngoại lực tập trung lên những cơ cấu bên ngoài, các mối quan hệ và hoạt động tạo nên môi trường tích cực cho trẻ thì nội lực phản ánh các giá trị, kỹ năng và niềm tin bên trong mà trẻ cần có để hoàn toàn gắn kết và phát triển trong thế giới xung quanh.



BIỂU ĐỒ 3 – KẾT QUẢ KHẢO SÁT DAP

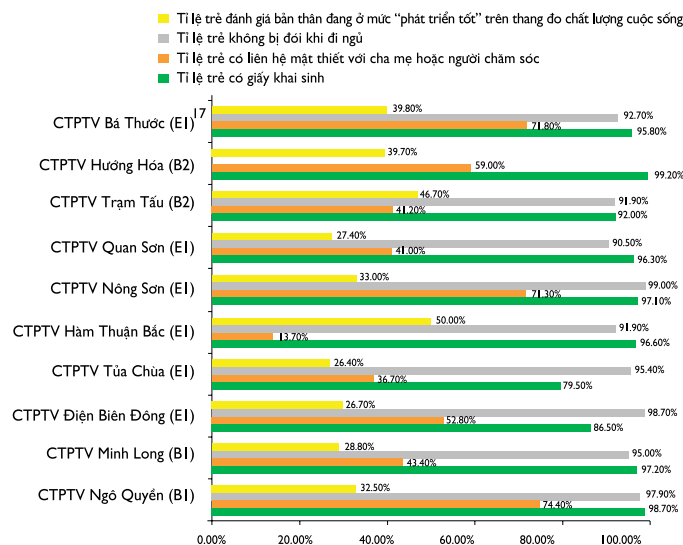
Nhìn chung, các kết quả khảo sát DAP ở 3 CTPTV tập trung sự chú ý vào 3 tiềm lực sau: Sử Dụng Thời Gian, Trao Quyền và Năng Lực Xã Hội.

Số điểm của tiềm lực **Sử Dụng Thời Gian** ở mức Thách thức, nghĩa là thanh thiếu niên ở các CTPTV này đang thiếu cơ hội tham gia vào những hoạt động ngoại khóa bổ ích và mang tính xây dựng, để học hỏi, phát triển kỹ năng và sự quan tâm đối với các trẻ em và người lớn khác. Theo lý thuyết thay đổi của DAP, thanh thiếu niên thiếu tiềm lực này thường có xu hướng bị lôi kéo vào những hành vi tiêu cực như lạm dụng rượu bia, thuốc lá, game internet và/hay nghiện thuốc kích thích. Hiện nay, mô hình hoạt

động ngoại khóa và câu lạc bộ trẻ em đang được triển khai ở hầu hết các chương trình của TNTGVN nhằm tạo cơ hội cho trẻ tiếp cận với các hoạt động vui chơi và khuyến khích sự kết nối giữa các em với cộng đồng. Tuy nhiên, những mô hình này chủ yếu được đưa vào các trường tiểu học hơn là các trường trung học.

Đối với tiềm lực **Trao Quyền**, các CTPTV được đo đang ở mức Lo ngại. Kết quả này cho thấy rằng trẻ không cảm thấy được an toàn, được xem trọng hay đề cao bởi người khác. Bảng 4 liệt kê những phát hiện trong thiết kế của 12 CTPTV, có 10/12 CTPTV bao gồm cả 3 CTPTV thực hiện khảo sát DAP cho biết sự tham gia của trẻ còn rất giới hạn.

Số điểm của tiềm lực **Năng Lực Xã Hội** ở mức Lo ngại cho thấy rằng trẻ thiếu những kỹ năng để tương tác hiệu quả với người khác, để đưa ra những quyết định khó khăn hay đương đầu với những tình huống mới. Thông tin ở Bảng 4 cũng thể hiện rằng trẻ đang thiếu những kỹ năng và giá trị sống thiết yếu.



KHẢO SÁT YHBS

BIỂU ĐỒ 4 – KẾT QUẢ KHẢO SÁT YHBS

Như được thể hiện qua Biểu đồ 4, sau đây là những điểm quan sát được dựa trên kết quả khảo sát YHBS ở 10 CTPTV (6 đánh giá và 4 khảo sát SLBD):

Thang đo chất lượng cuộc sống: 6/10 CTPTV thực hiện khảo sát YHBS có hơn 30% trẻ 12-18 tuổi đánh giá bản thân đang ở mức "phát triển tốt" trên thang đo chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên, vì chưa có SLBD nên không thể phân tích được đóng góp của TNTGVN. Nhìn chung, kết quả đánh giá của các CTPTV đã hoàn tất giai đoạn I (Hàm Thuận Bắc, Trạm Tấu) tốt hơn kết quả khảo sát SLBD của những CTPTV mới (Ngô Quyền, Minh Long). Dù vậy, vẫn có một số CTPTV đã hoàn tất giai đoạn I như Quan Sơn, Điện Biên Đông và Tủa Chùa không đạt được kết quả tốt. Một trong những lý do là vì trước đây, TNTGVN đã không ưu tiên ASTE, đặc biệt là chỉ tiêu ASTE, nhiều như trong 2 năm vừa qua.

¹⁶ B1: Số liệu từ Khảo sát SLBD cho giai đoạn I
¹⁷ E1: Số liệu từ Đánh giá cho giai đoạn I

Mối liên hệ với người chăm sóc: CTPTV có kết quả thấp nhất là Tủa Chùa (26,7%), một CTPTV vùng sâu vùng xa, trong khi CTPTV có kết quả cao nhất là Ngô Quyền (74,4%), một CTPTV ở đô thị. Kết quả này thể hiện sự chênh lệch lớn giữa khu vực nông thôn miền núi và khu vực thành thị đồng bằng. Dựa trên những phát hiện từ đánh giá của các CTPTV này, những vấn đề sau đây được thể hiện rõ. Trước hết, vẫn còn sự phân biệt nam nữ lớn, xuất phát từ những tập tục lạc hậu của các dân tộc thiểu số ở vùng sâu vùng xa. Ngoài ra, còn có sự giới hạn trong nhận thức của phụ huynh, cộng đồng và chính trẻ về quyền trẻ em, thiếu sân chơi an toàn cho trẻ, thiếu cơ hội đào tạo nghề cho những em bỏ học và xu hướng tảo hôn trong nhóm thanh thiếu niên dân tộc thiểu số.



Không sống trong tình trạng đói nghèo cùng cực: Kết quả khảo sát YHBS cũng cho thấy ít nhất 90% trẻ 12-18 tuổi không bị đói khi đi ngủ.

Đăng ký khai sinh: Dựa theo chuẩn quốc tế, trong 10 CTPTV thì có 7 CTPTV ở mức độ cho phép, tức là trên 95%, và 2 CTPTV ở mức độ báo động dưới 90%. CTPTV Tủa Chùa và Điện Biên Đông có tỉ lệ trẻ có giấy khai sinh thấp nhất, lần lượt là 79,5% và 86,5%. Lý do là vì các CTPTV này hoạt động ở khu vực miền núi xa xôi, người dân không được tiếp cận với những dịch vụ y tế khi sinh nở, việc sinh con tại nhà nhờ các bà mẹ là điều phổ biến, và nhận thức của người dân địa phương về tầm quan trọng của việc đăng ký khai sinh cho trẻ còn thấp. Dự án bảo trợ ở cả 2 CTPTV này đang nỗ lực để thay đổi cách suy nghĩ của người dân và tiếp tục hợp tác với các cơ quan có liên quan để cấp giấy khai sinh cho trẻ em ở những nơi này để các em có thể được hưởng lợi từ các dịch vụ công cộng như trường công lập và dịch vụ y tế miễn phí cho trẻ 0-6 tuổi.

NHỮNG BÀI HỌC VÀ ĐỀ XUẤT

BẢNG 6 – NHỮNG BÀI HỌC VÀ ĐỀ XUẤT ĐỐI VỚI CHỈ TIÊU ASTE #1

NHỮNG BÀI HỌC CHÍNH	NHỮNG ĐỀ XUẤT CỤ THỂ
<ul style="list-style-type: none"> Vì chiến lược hiện nay của TNTGVN ưu tiên chủ yếu trẻ dưới 12 tuổi nên có rất ít mô hình can thiệp cho trẻ 12-18 tuổi. Hơn nữa, công cụ DAP và YHBS chưa được dùng để đo chỉ tiêu ASTE #1 ở tất cả các CTPTV. 	<ul style="list-style-type: none"> Kết quả khảo sát DAP và YHBS sẽ được xem như SLBD dùng xây dựng chiến lược và (tái) thiết kế chương trình cho trẻ từ 12-18 tuổi. Các mô hình can thiệp hiệu quả như câu lạc bộ trẻ em, hoạt động ngoại khóa, giáo dục kỹ năng và giá trị sống, dự án nhỏ nên được nhân rộng ra nhiều CTPTV hơn nhằm trao quyền và tạo cơ hội cho trẻ tham gia và phát triển kỹ năng.
<ul style="list-style-type: none"> Vì công cụ DAP còn rất mới đối với TNTGVN nên cần có thời gian để tất cả các CTPTV trở nên quen thuộc với công cụ và học cách ứng dụng những phân tích vào việc cải thiện chất lượng chương trình. 	<ul style="list-style-type: none"> Tiếp tục sử dụng DAP để đo chỉ tiêu ASTE #1 trong công tác giám sát các can thiệp cho trẻ, học hỏi và đánh giá lại tình hình sau một năm thực hiện. Tiếp tục sử dụng YHBS để đo chỉ tiêu ASTE #1 trong khảo sát SLBD và đánh giá. Sử dụng thêm thảo luận nhóm chuyên sâu để bổ sung cho kết quả DAP và YHBS.

MỤC TIÊU I: CẢI THIỆN KHẢ NĂNG TIẾP CẬN VÀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CHO TRẺ EM, BAO GỒM ĐÀO TẠO NGHỀ

Nhiều tiến bộ đáng kể đã được thực hiện trong lĩnh vực giáo dục. Phổ cập giáo dục tiểu học đã được duy trì từ năm 2000¹⁸ và tỉ lệ biết chữ ở độ tuổi 15 trở lên đạt rất cao 94,7%¹⁹. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số thách thức²⁰, bao gồm kỹ năng yếu kém của giáo viên mầm non, phòng học thiếu và ít thu hút, phụ huynh thiếu hiểu biết về chăm sóc và phát triển trẻ mầm non (ECCD)²¹ đối với giáo dục mầm non; giáo trình thiếu áp dụng thực tiễn, phương pháp giảng dạy lấy giáo viên làm trọng tâm, phương tiện giảng dạy nghèo nàn đối với giáo dục tiểu học. Trong lĩnh vực dạy nghề, những lý do khiến trẻ bỏ học không đăng ký các khóa dạy nghề²² là: thiếu định hướng cho học sinh, chất lượng trường học yếu kém không đáp ứng được nhu cầu của người học, bố túc phổ thông trung học và thiếu cơ hội việc làm. Theo phát hiện của Bộ giáo dục và đào tạo (BGD&ĐT), trong năm 2013, có 70% sinh viên nhập học vào trường phổ thông trung học hệ công lập, 8% vào trường hệ không chính quy và chỉ 1,8% vào các trường dạy nghề.

TNTGVN tìm cách giải quyết những vấn đề trên thông qua các mô hình giáo dục hứa hẹn như các Nhóm trẻ gia đình tư thực (HBC), Ban phụ huynh giáo viên (PTC), phương pháp lấy trẻ làm trọng tâm (CCM), phương pháp học tập tích cực (ALM), câu lạc bộ đọc sách cho trẻ, đào tạo nghề cho thanh thiếu niên bỏ học.

CÁC NGUỒN LỰC

BẢNG 7 – NGUỒN LỰC DÀNH CHO GIÁO DỤC TRONG NTC 2013

- 3.142.031 đôla Mỹ
- 38 CTPTV
- 2 nhân viên quốc gia và 6 nhân viên kĩ thuật vùng
- Đối tượng hưởng lợi: Khoảng 120.000 trẻ và học sinh ở các trung tâm HBC, nhà trẻ và trường tiểu học



CÁC KẾT QUẢ VÀ PHÂN TÍCH

BẢNG 8 – KẾT QUẢ GIÁO DỤC MẦM NON

CAN THIỆP	ĐẦU RA/TIẾN BỘ	KẾT QUẢ/THAY ĐỔI
HBC	<ul style="list-style-type: none"> • 65 trung tâm HBC với 1.700 trẻ dưới 3 tuổi. • 9 CTPTV tập huấn cho người chăm sóc trẻ ở các trung tâm HBC để chăm sóc tốt hơn cho trẻ về dinh dưỡng, vệ sinh và các kỹ năng truyền thông. 	<ul style="list-style-type: none"> • 3/5 CTPTV thực hiện đo tỉ lệ nhập học của trẻ 3-5 tuổi trong NTC 2013 đạt kết quả tăng đáng kể, 58,7% ở CTPTV Điện Biên Đông, 53,7% ở CTPTV Quan Sơn và 12% ở CTPTV Nông Sơn. 2 CTPTV còn lại không có SLBĐ.
CCM	<ul style="list-style-type: none"> • 230 nhà trẻ, 50.000 trẻ 3-5 tuổi, 1.923 giáo viên được tập huấn về ECCD và CCM. • 87% giáo viên mầm non báo cáo đã áp dụng CCM.²³ • 97% giáo viên mầm non được đánh giá đạt chuẩn.²⁴ 	<ul style="list-style-type: none"> • Dựa trên báo cáo NTC 2013 của 31 CTPTV, tỉ lệ nhập học của trẻ 3-5 tuổi giao động trong khoảng 60%-100%.
PTC	<ul style="list-style-type: none"> • 61 PTC tiến hành họp 2 lần/tháng để thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm chăm sóc và phát triển trẻ toàn diện từ thể chất đến tinh cảm, xã hội. 	

Tỉ lệ trẻ 3-5 tuổi nhập học tăng đáng kể trong NTC 2013. Các báo cáo liên quan giải thích kết quả này là nhờ việc cải thiện phương pháp chăm sóc và dạy dỗ của giáo viên và phụ huynh, nâng cao số lượng phòng học và bữa ăn dinh dưỡng cho trẻ tham gia các lớp mầm non bán trú.

Hầu hết các giáo viên đều áp dụng đầy đủ CCM trong lớp học sau khi được tập huấn về 5 lĩnh vực phát triển của trẻ. Điều này có nghĩa là họ đã biết cách lập giáo án có những hoạt động giúp phát huy tối đa khả năng sáng tạo, tự khám phá và học tập của học sinh thông qua đồ chơi và trò chơi.

¹⁸ BGD&ĐT, Báo cáo Giáo dục Quốc gia năm học 2012-2013

¹⁹ Tổng cục Thống kê năm 2012

²⁰ BGD&ĐT, Đề xuất Đối mới Giáo dục Toàn diện cho Việt Nam sau năm 2015 – Báo cáo Tóm tắt

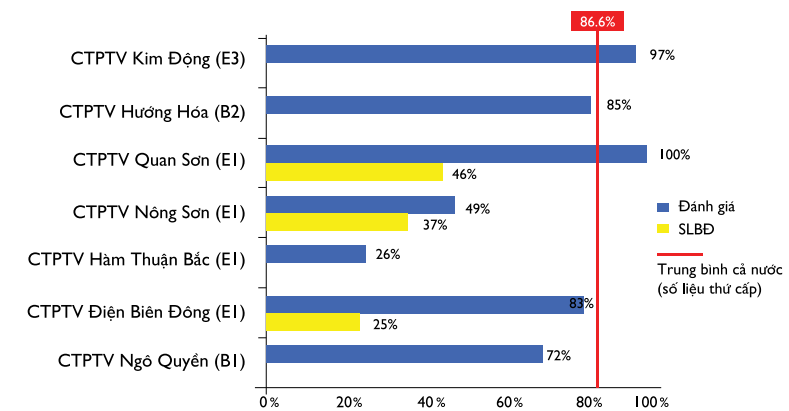
²¹ Chiến lược Phát triển Giáo dục Việt Nam – Bản thảo 14

²² Báo Thanh Niên, Hội thảo của BGD&ĐT để phân loại học sinh sau khi tốt nghiệp trung học, tháng 12/2013, ngày 21/12/2013

²³ Thống kê của BGD&ĐT năm 2013- Lấy từ www.moet.gov.vn tháng 01/2014

²⁴ Thống kê của BGD&ĐT năm 2013- Lấy từ www.moet.gov.vn tháng 01/2014

BIỂU ĐỒ 5 – TỈ LỆ NHẬP HỌC CỦA TRẺ 3-5 TUỔI



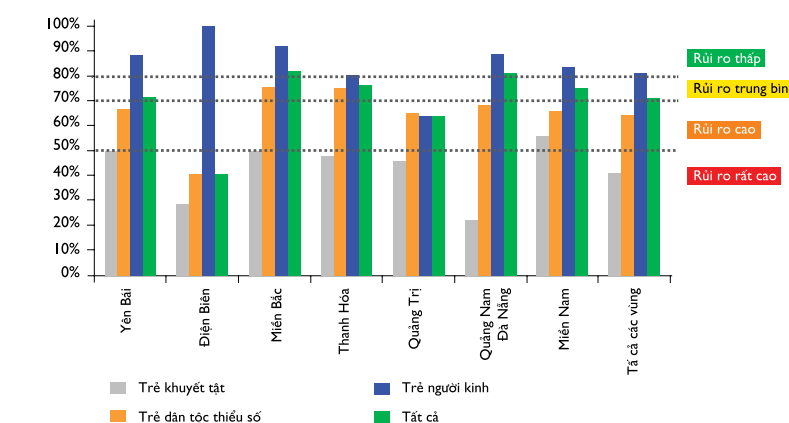
Điều đáng lưu ý là tỉ lệ giáo viên áp dụng phương pháp CCM ở những CTPTV mới và thuộc vùng sâu vùng xa còn thấp so với các CTPTV ở giai đoạn 2, do điều kiện giảng dạy còn thiếu thốn và động lực của giáo viên còn thấp.

CHỈ TIÊU ASTE #4 – TĂNG SỐ LƯỢNG TRẺ ĐỌC HIỂU THÀNH THẠO Ở TUỔI 11

BẢNG 9 – KẾT QUẢ CHỈ TIÊU ASTE #4

CAN THIỆP	ĐẦU RA/TIẾN BỘ	KẾT QUẢ/THAY ĐỔI
ALM ²⁵	<ul style="list-style-type: none"> • 200 trường học, 70.000 học sinh 6-10 tuổi và 2.328 giáo viên. • Hơn 90% giáo viên áp dụng ALM. • 99% giáo viên tiểu học được xếp loại giỏi theo tiêu chuẩn quốc gia²⁶. 	<ul style="list-style-type: none"> • Lần đầu tiên tiến hành đo khả năng đọc hiểu của trẻ học hết lớp 5 ở 38 CTPTV trong năm 2013. • 71,2% học sinh (66,1% nam và 76,5% nữ) ở 38 CTPTV có khả năng đọc hiểu thành thạo. • 5/38 CTPTV, tức 39%, đạt kết quả FLAT ở mức rủi ro thấp, trên 80%. • TNTGVN được ghi nhận là quốc gia đứng đầu trong việc đóng góp vào chỉ tiêu ASTE #4 tại cuộc họp Giám đốc Quốc gia trong NTC 2013.
Câu lạc bộ đọc sách thôn bản	<ul style="list-style-type: none"> • 34 câu lạc bộ, 965 trẻ từ 6-10 tuổi. 	<ul style="list-style-type: none"> • Chỉ có 0,51% trẻ đăng ký (206/40.774 em) ở độ tuổi tiểu học không tham gia giáo dục chính quy/ không chính quy.

BIỂU ĐỒ 6 – KẾT QUẢ FLAT



Kết quả học tập của trẻ rất tốt trong NTC 2013, trên cả nước cũng như tại các địa bàn hoạt động của TNTGVN. Báo cáo quốc gia năm 2013 về Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ²⁷ khẳng định Việt Nam có nhiều khả năng đạt được mục tiêu mọi trẻ em đều học hết tiểu học vào năm 2015. Báo cáo năm học 2012-2013 của BGD&ĐT cũng cho thấy số học sinh giỏi tăng và số học sinh yếu kém giảm. Theo Biểu đồ 3, kết quả FLAT của TNTGVN đối với học sinh ở 38 CTPTV cho thấy hầu hết học sinh người Kinh trong nước đều có khả năng đọc hiểu thành thạo. Hầu hết các báo cáo đánh giá cho thấy sự cải thiện trong phương pháp giảng dạy và những cơ hội học tập bổ sung cho trẻ như các câu lạc bộ

đọc sách, thư viện thân thiện với trẻ, góc học tập gia đình đã góp phần quan trọng trong việc đạt kết quả FLAT cao của học sinh ở hầu hết các CTPTV. Tuy nhiên, tỉ lệ trẻ dân tộc thiểu số và khuyết tật có khả năng đọc hiểu thành thạo vẫn còn thấp hơn nhiều so với trẻ người Kinh vì điều kiện học tập còn yếu kém do rào cản ngôn ngữ, phương pháp giảng dạy nghèo nàn do thiếu thốn trang thiết bị, thiếu sự hỗ trợ từ gia đình vì ý thức kém về tầm quan trọng của việc học tập, cũng như vì tình trạng khuyết tật của trẻ. Vì vậy cần có sự quan tâm đặc biệt đến vấn đề đọc hiểu, điều kiện học tập của trẻ em dân tộc thiểu số và khuyết tật.

²⁵ Phương pháp Học tập Tích cực có thể được xem như một phương pháp giúp cho việc học trở nên năng động; là một quá trình mà người học tham gia tích cực vào quá trình học tập, bao gồm đọc, viết, thảo luận, tham gia giải quyết vấn đề, tổng hợp và đánh giá. Phương pháp này được tổ chức Cứu trợ Trẻ em Úc giới thiệu và BGD&ĐT áp dụng.

²⁶ Thống kê của BGD&ĐT năm 2013 - Lấy từ www.moet.gov.vn tháng 01/2014

²⁷ Báo cáo Quốc gia phát hành tháng 05/2013 cho Hội đồng Kinh tế và Xã hội xem xét.

Dựa theo báo cáo năm của 25 CTPTV, tỉ lệ giáo viên áp dụng ALM là trên 90%, góp phần nâng cao chất lượng học tập của học sinh. Sau một loạt các tập huấn về “Làm thế nào để dạy tiếng Việt, Toán và Khoa học Xã hội” một cách tích cực hơn, các giáo viên đã thay đổi phương pháp giảng dạy của họ, từ chỗ thuyết giảng sang tổ chức các hoạt động để thu hút học sinh vào bài học. Học sinh trở nên tích cực hơn trong hoạt động nhóm, có được những phản hồi tích cực và kỹ năng thuyết trình, vốn là những điều dường như không thể đạt được nếu theo phương pháp giảng dạy truyền thống. Tuy nhiên, tỉ lệ giáo viên áp dụng phương pháp ALM còn thấp ở những khu vực vùng sâu vùng xa và còn nhiều khó khăn như Điện Biên, bởi các giáo viên không có đủ thời gian để chuẩn bị giáo cụ, không có bàn ghế thích hợp để học sinh làm việc nhóm.

Trong NTC 2013, thay đổi phương pháp giảng dạy là ưu tiên chung của BGD&ĐT cũng như các tổ chức PCPQT, trong đó có TNTGVN, được thể hiện rõ qua nghị định 40 do BGD&ĐT ban hành năm 2008 có tiêu đề “Trường học thân thiện, Học sinh tích cực”. Dựa trên định hướng này, các CTPTV của TNTGVN đã hỗ trợ tập huấn về ALM và thể chế hóa ban giám sát nhà trường. Mặc dù còn gặp nhiều thách thức ở một số trường học vùng sâu vùng xa nhưng tính bền vững của mô hình này đặc biệt cao.

ĐÀO TẠO NGHỀ

BẢNG 10 – KẾT QUẢ ĐÀO TẠO NGHỀ

CAN THIỆP	ĐẦU RA/TIẾN BỘ	KẾT QUẢ/THAY ĐỔI
Đào tạo nghề	<ul style="list-style-type: none"> Trong khuôn khổ dự án giáo dục của CTPTV Triệu Phong, 40 thanh thiếu niên khuyết tật bỏ học đã được đào tạo nghề, trong đó 8 em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đã được hỗ trợ những công cụ sản xuất như dụng cụ làm mộc, máy sấy tóc... để khởi nghiệp sau khi tốt nghiệp. CTPTV Văn Yên đã phối hợp chặt chẽ với trung tâm dạy nghề huyện để tập huấn cho 104 thanh thiếu niên bỏ học và hỗ trợ việc làm tại nơi mà các em sinh sống. Con số này chiếm 43,15% tổng số thanh thiếu niên của huyện Văn Yên được đào tạo nghề trong năm 2013. 	<ul style="list-style-type: none"> Hiện nay, có 556 thanh thiếu niên 15-18 tuổi bỏ học đang tham gia hay đã hoàn tất khóa học nghề, theo báo cáo NTC 2013 của 11 CTPTV, so với chỉ tiêu chiến lược là 12 CTPTV vào cuối NTC 2014.

Mặc dù nỗ lực nhiều, sự đóng góp của TNTGVN trong lĩnh vực này vẫn còn rất khiêm tốn so với chỉ tiêu quốc gia là có 500.000 lao động nông thôn được đào tạo tính đến năm 2020, theo quyết định 1956/QĐ-TTĐ của Thủ tướng Chính phủ về Đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Cách can thiệp của TNTGVN là cung cấp cho thanh thiếu niên những khóa đào tạo nghề tùy theo sở thích, năng lực và điều kiện tài chính cũng như sự sẵn có của các trung tâm dạy nghề đang hoạt động tại địa phương, tập huấn viên và cơ hội việc làm. Việc tiến hành khảo sát với thanh thiếu niên, kết nối các em với tập huấn viên và giới thiệu việc làm cho các em là công tác của mạng lưới đào tạo nghề do CTPTV thiết lập. Việc tuyển dụng thanh thiếu niên để đưa vào các khóa dạy nghề cũng là một thách thức, bởi khả năng có việc làm và khả năng có thu nhập sau khóa học còn rất thấp. Do vậy, động lực cho công tác đào tạo nghề không cao. Chính vì thế, can thiệp này cần được phân tích kỹ hơn trước khi được nhân rộng trong thời gian tới.

NHỮNG BÀI HỌC VÀ ĐỀ XUẤT

BẢNG 11 – NHỮNG BÀI HỌC VÀ ĐỀ XUẤT ĐỐI VỚI MỤC TIÊU 1

NHỮNG BÀI HỌC CHÍNH	NHỮNG ĐỀ XUẤT CỤ THỂ
<ul style="list-style-type: none"> Mặc dù Nhà nước đã công nhận CCM và ALM là phương pháp giảng dạy chính quy đối với giáo dục mầm non và tiểu học nhưng các trường thuộc vùng sâu vùng xa cần có thời gian và sự quan tâm đặc biệt để có thể áp dụng các phương pháp này một cách hiệu quả. Đối với hầu hết CTPTV, mô hình câu lạc bộ đọc sách thôn bản dành cho trẻ em và PTC chỉ mới đang ở giai đoạn đầu và đòi hỏi nhiều hỗ trợ về mặt kĩ thuật và giám sát. 	<ul style="list-style-type: none"> Cập nhật hướng dẫn và biểu mẫu CCM và ALM để giám sát việc áp dụng những phương pháp này của giáo viên xuyên suốt các CTPTV. Trong số những tập huấn dành cho giáo viên, giáo dục hòa nhập và dạy tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai cần được ưu tiên để cải thiện khả năng đọc hiểu cho trẻ khuyết tật và dân tộc thiểu số. Nâng cao sự tham gia của VDB vào những mô hình dựa vào cộng đồng này để tăng cường sự đóng góp, tình làm chủ và việc học tập rút kinh nghiệm của địa phương. Chú trọng nhiều hơn đến đào tạo nghề cho MVC, bao gồm những trẻ đăng ký bỏ học, đặc biệt ở các CTPTV ở giai đoạn 2 hay đang chuyển giao.

MỤC TIÊU 2: GIẢM TÌNH TRẠNG SUY DINH DƯỠNG Ở TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

Tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân của cả nước đã giảm đáng kể trong suốt 10 năm qua, từ 30,1% vào năm 2002 xuống chỉ còn 15,3% vào năm 2013. Tuy nhiên, tỉ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi vẫn còn rất cao là 25,9% vào năm 2013. Tỉ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi cao nhất là ở hai tỉnh Lào Cai 37,3% và Kon Tum 40,8%, so với 6,7% ở thành phố Hồ Chí Minh²⁸; và hơn 50% ở dân tộc H'Mông, Bana và Gia Rai, so với 23% ở trẻ em người Kinh²⁹. Suy dinh dưỡng thể thấp còi và các thể khác không những làm giảm cơ hội sống sót của trẻ mà còn hạn chế sự tăng trưởng và sức khỏe tối ưu ở các em.³⁰

CÁC NGUỒN LỰC

BẢNG 12 – NGUỒN LỰC DÀNH CHO SỨC KHỎE/DINH DƯỠNG TRONG NTC 2013

Y tế:	1.772.704 đôla Mỹ
Dinh dưỡng:	423.619 đôla Mỹ
Nước sạch và vệ sinh:	556.178 đôla Mỹ
Phát triển kinh tế:	753.882 đôla Mỹ
34 CTPTV, Dự án Làm mẹ an toàn, Chiến dịch Sức khỏe trẻ em toàn cầu	
2 điều phối viên quốc gia và 3 nhân viên kĩ thuật vùng	
Người hưởng lợi:	
	± 67.000 cặp bà mẹ và trẻ em dưới 5 tuổi
	± 120.000 trẻ 5-15 tuổi.



CÁC KẾT QUẢ VÀ PHÂN TÍCH



CHỈ TIÊU ASTE #2 - TĂNG SỐ TRẺ ĐƯỢC BẢO VỆ ĐỂ KHÔNG BỊ LÂY NHIỄM BỆNH TẬT

Hiện nay nhà nước đang triển khai các chương trình quốc gia để giảm những bệnh thường gặp và lây nhiễm ở trẻ em dưới 5 tuổi. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu các hoạt động nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ y tế cũng như xây dựng năng lực cho nhân viên y tế trong việc điều trị cho trẻ, vì thiếu nguồn lực. Bên cạnh việc hỗ trợ tiếp cận với nguồn nước sạch và nhà xí hợp vệ sinh, cũng như khuyến khích thực hành vệ sinh cá nhân đúng

cách, TNTGVN còn hỗ trợ các trạm y tế xã nâng cấp trang thiết bị y tế và cung cấp tập huấn cải thiện năng lực cho nhân viên y tế xã, qua đó nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, giúp giảm thiểu bệnh tật và lây nhiễm ở trẻ.

BẢNG 13 – KẾT QUẢ CHỈ TIÊU ASTE #2

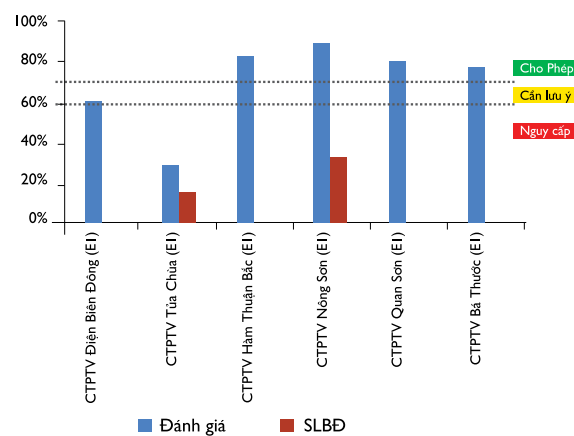
CAN THIỆP	ĐẦU RA/TIẾN BỘ	KẾT QUẢ/THAY ĐỔI
Cơ sở Y tế	• 64 cơ sở y tế được nâng cấp và trang bị những thiết bị cần thiết theo tiêu chuẩn quốc gia.	Theo kết quả của 8 đánh giá được thực hiện trong NTC 2013: <ul style="list-style-type: none"> • 6/6 CTPTV có can thiệp về nước sạch và vệ sinh có tỉ lệ hộ gia đình có nhà xí hợp vệ sinh tăng.
Nước sạch và Vệ Sinh	• 737 nhà vệ sinh đạt chuẩn và 353 hệ thống nước sạch đã được xây dựng, nhờ hỗ trợ của TNTGVN.	<ul style="list-style-type: none"> • 5/6 CTPTV có can thiệp về nước sạch và vệ sinh có tỉ lệ hộ gia đình được tiếp cận với nguồn nước sạch tăng. • 2/6 CTPTV có can thiệp về nước sạch và vệ sinh có tỉ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị tiêu chảy trong vòng 2 tuần qua được điều trị đúng cách tăng. 4 CTPTV còn lại không có SLBD. • Trong số 10 CTPTV tiến hành đo Tỉ lệ trẻ dưới 5 tuổi chẩn đoán mắc bệnh viêm phổi cấp được cung cấp dịch vụ y tế thích hợp, 4 CTPTV đạt mức độ cho phép là trên 70% và 4 CTPTV ở mức độ nguy cấp dưới 60%.

28 Viện Dinh dưỡng Quốc gia, tỉ lệ suy dinh dưỡng dựa theo mức độ nghiêm trọng – 2013

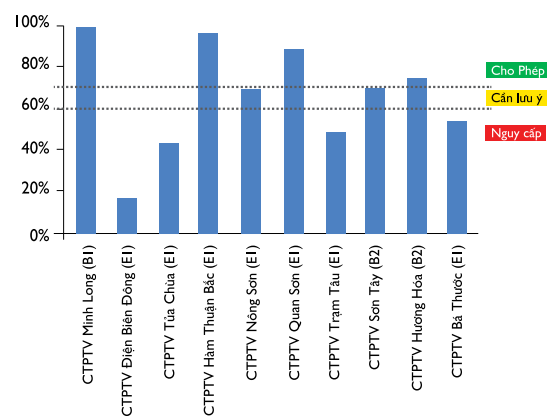
29 Khảo sát của Viện Dinh dưỡng Quốc gia 2009-2010

30 UNICEF, Cải thiện Dinh dưỡng Trẻ em, tháng 04/2013

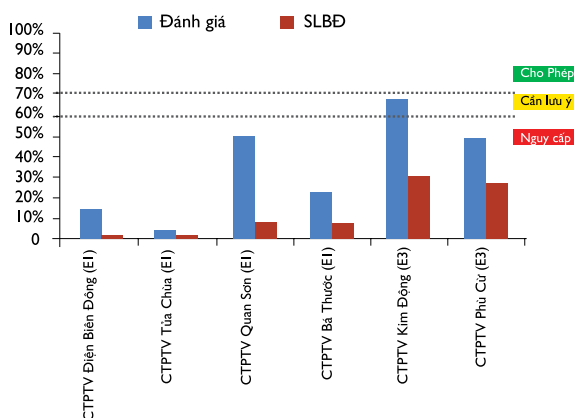
BIỂU ĐỒ 7 - % TRẺ DƯỚI 5 TUỔI BỊ TIÊU CHẢY TRONG 2 TUẦN QUA ĐƯỢC ĐIỀU TRỊ ĐÚNG CÁCH



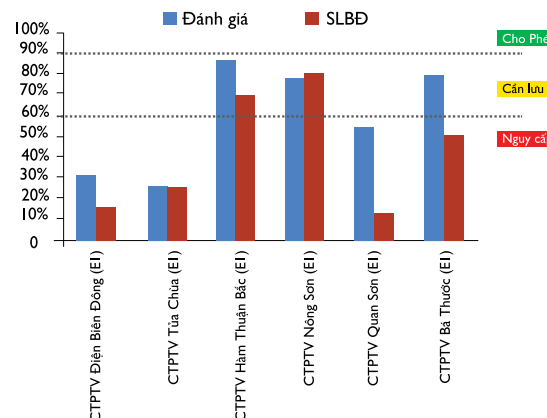
BIỂU ĐỒ 8 - TỈ LỆ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI CHẨN ĐOÁN MẮC BỆNH VIÊM PHỔI CẤP ĐƯỢC CUNG CẤP DỊCH VỤ Y TẾ THÍCH HỢP



BIỂU ĐỒ 9 - % HỘ GIA ĐÌNH CÓ NHÀ XÍ HỢP VỆ SINH (MDG7.9)



BIỂU ĐỒ 10 - % HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC TIẾP CẬN VỚI NGUỒN NƯỚC SẠCH (MDG 7.8)



Dựa trên 6 báo cáo đánh giá, những thay đổi trong biểu đồ 7, 9, 10 là kết quả của những nỗ lực trong việc nâng cao kiến thức và thay đổi hành vi, tập quán của các bà mẹ và người chăm sóc về dinh dưỡng và phòng ngừa bệnh tật; trong việc phục hồi trẻ suy dinh dưỡng nhờ lồng ghép chương trình y tế vào trường mẫu giáo; trong việc thiết lập những trung tâm mẫu giáo bán trú có chế độ chăm sóc dinh dưỡng và vệ sinh phù hợp. Một điều được nhận thấy là khi phụ huynh ý thức được tầm quan trọng của vệ sinh trong gia đình, họ sẽ quan tâm hơn đến việc cải thiện điều kiện vệ sinh. Dù đạt được những cải thiện đáng kể ở một số CTPTV, tỉ lệ hộ gia đình tiếp cận được với nguồn nước sạch và nhà xí hợp vệ sinh ở tất cả các CTPTV vẫn còn ở mức độ cần lưu ý và nguy cấp, dựa theo chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, điều đáng chú ý đó là hầu hết các CTPTV của TNTGVN đều ở khu vực vùng núi xa xôi, nơi có SLBĐ thấp hơn nhiều so với kết quả hiện nay.

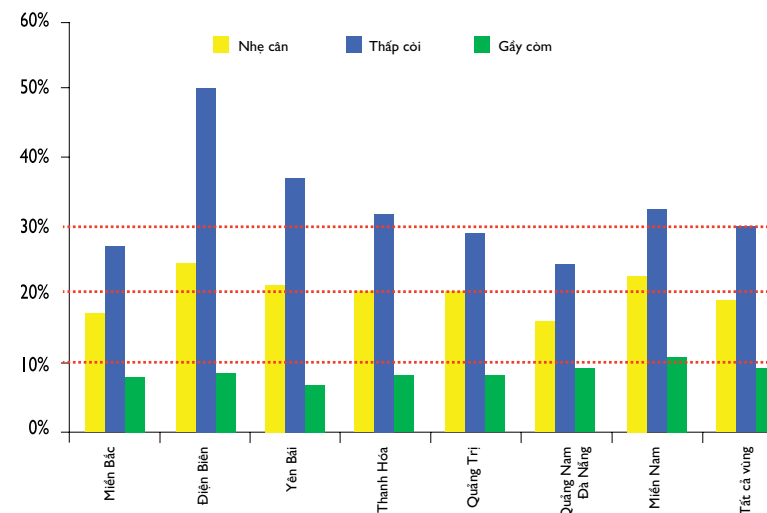


CHỈ TIÊU ASTE #3 - TĂNG SỐ TRẺ ĐƯỢC NUÔI DƯỠNG TỐT

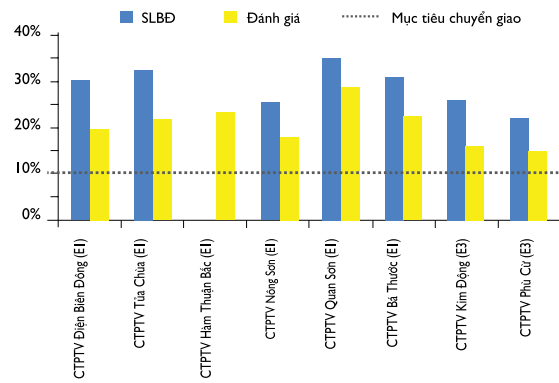
BẢNG 14 – KẾT QUẢ CHỈ TIÊU ASTE #3

CAN THIỆP	ĐẦU RA/TIẾN BỘ	KẾT QUẢ/THAY ĐỔI
Câu lạc bộ/ thực hành dinh dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> Mô hình Câu lạc bộ Dinh dưỡng được áp dụng ở 29 CTPTV, bao phủ 41% các thôn bản của CTPTV, với tổng số 521 Câu lạc bộ Dinh dưỡng, mỗi tháng tiếp cận được với khoảng 17.029 trẻ và 27% hộ gia đình có trẻ dưới 5 tuổi. Tổ chức tập huấn để phổ biến mô hình Câu lạc bộ Dinh dưỡng cho những tình không thuộc vùng dự án. 10.911 bà mẹ và người chăm sóc được nâng cao kiến thức và kỹ năng dinh dưỡng. 2.388 nhân viên y tế địa phương được nâng cao kiến thức và kỹ năng dinh dưỡng. 10 CTPTV đã có những can thiệp để cải thiện vấn đề nuôi con bằng sữa mẹ cho trẻ sơ sinh trong 6 tháng đầu đời. Ở cấp quốc gia, nhiều nỗ lực đã được thực hiện nhằm gây tác động đối với các chính sách/ hướng dẫn về dinh dưỡng bao gồm việc nghỉ thai sản 6 tháng, nuôi con bằng sữa mẹ, mô hình câu lạc bộ dinh dưỡng... 	<p>Dựa theo kết quả của 8 đánh giá được thực hiện trong NTC 2013:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tỉ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở 7 CTPTV đã giảm từ 7% đến 10,8%, so với 3,6% trên cả nước trong 5 năm từ 2009-2013. Tỉ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở các xã dự án giảm nhanh hơn tỉ lệ giảm trung bình của cả huyện khoảng 5%. Tỉ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở 5 CTPTV giảm. <p>Dựa theo kết quả đo lường chỉ tiêu ASTE #3 do đối tác địa phương thực hiện với sự hỗ trợ kỹ thuật từ TNTGVN vào tháng 12/2012 và 06/2013 ở 34 CTPTV:</p> <ul style="list-style-type: none"> Số lượng CTPTV có tỉ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở mức độ nguy cấp đã giảm 2, từ 23 CTPTV xuống còn 21 CTPTV. Tỉ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở tất cả các CTPTV đã giảm từ 34% xuống còn 30,2%, và tỉ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm từ 19,4% và xuống còn 19,1%. <p>Trẻ đăng ký:</p> <ul style="list-style-type: none"> 94,4% trẻ đăng ký tham gia vào các hoạt động y tế và dinh dưỡng. 15,67% trẻ đăng ký bị suy dinh dưỡng mức trung bình 4,9% trẻ đăng ký bị suy dinh dưỡng nghiêm trọng <p>Pháp luật:</p> <ul style="list-style-type: none"> Việt Nam gần đây đã ban hành luật quy định thời gian nghỉ thai sản được trả lương kéo dài tới 6 tháng và nghiêm cấm quảng cáo những sản phẩm thay thế sữa mẹ đối với trẻ sơ sinh cho tới 24 tháng tuổi. Sự thay đổi này cho phép các bà mẹ cho con bú trong 6 tháng đầu đời và hy vọng sẽ tác động tích cực đến sức khỏe trẻ em.
PD/HEARTH	<ul style="list-style-type: none"> 5 CTPTV áp dụng PD-Hearth trong 2 năm vừa qua. 	
Sinh kế	<ul style="list-style-type: none"> 125 người dân địa phương có kiến thức về phát triển kinh doanh nhỏ. 	

BIỂU ĐỒ 11 – TỈ LỆ TRẺ SUY DINH DƯỠNG THEO VÙNG

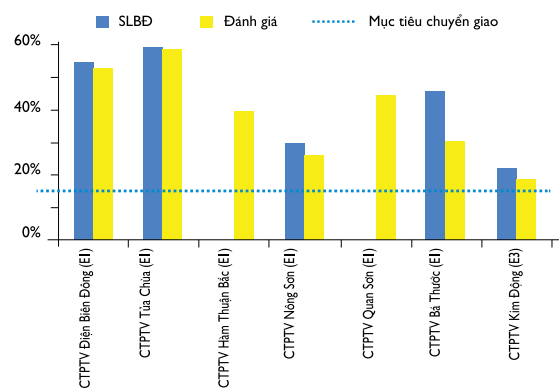


Dựa theo kết quả đo lường chỉ tiêu ASTE #3, các vùng Điện Biên, Yên Bái và miền Nam có tỉ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (trên 30%) và thấp còi (trên 20%) đều ở mức độ nguy cấp, vì đây là những khu vực nghèo nhất của cả nước, nơi trẻ em không có điều kiện tiếp cận với nguồn thức ăn giàu dinh dưỡng và đa dạng, những thực hành chăm sóc bà mẹ và trẻ em phù hợp, dịch vụ y tế tốt và môi trường sống lành mạnh bao gồm nước sạch, vệ sinh và thói quen vệ sinh đúng cách. Những yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến khẩu phần ăn và khả năng lây nhiễm bệnh, khiến trẻ bị bệnh nặng hơn rồi dẫn đến suy dinh dưỡng, có thể đe dọa tính mạng.



BIỂU ĐỒ 12 – TỈ LỆ SUY DINH DƯỠNG THỂ NHẸ CÂN Ở CÁC CTPTV ĐÃ TIẾN HÀNH ĐÁNH GIÁ TRONG NTC 2013

Theo báo cáo đánh giá, 7 CTPTV có tỉ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm là những nơi có câu lạc bộ sức khỏe/ dinh dưỡng hoạt động tốt và có những can thiệp lồng ghép thông qua các câu lạc bộ dinh dưỡng.



BIỂU ĐỒ 13 – TỈ LỆ TRẺ SUY DINH DƯỠNG THỂ THẤP CÒI Ở CÁC CTPTV ĐÃ TIẾN HÀNH ĐÁNH GIÁ TRONG NTC 2013

Biểu đồ 13 cho thấy CTPTV Bá Thước và Kim Động có tỉ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm nhiều hơn những CTPTV khác. Theo báo cáo đánh giá của hai CTPTV này, những lý do chính dẫn đến kết quả này là:

- Mục tiêu giảm suy dinh dưỡng và phòng ngừa các bệnh thường gặp ở trẻ dưới 5 tuổi của dự án phù hợp với chương trình y tế quốc gia và ưu tiên của địa phương.
- MVC, đặc biệt là trẻ em nghèo và khuyết tật là đối tượng ưu tiên của dự án.
- Năng lực của nhân viên y tế địa phương được cải thiện đáng kể.
- Kiến thức và thực hành dinh dưỡng, chăm sóc trẻ của người chăm sóc

đã được cải thiện thông qua các can thiệp như Truyền thông thay đổi hành vi và Câu lạc bộ Dinh dưỡng.

Tuy nhiên, theo các báo cáo đánh giá, tỉ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi vẫn còn rất cao ở CTPTV Tủa Chùa, Điện Biên Đông và Quan Sơn mặc dù TNTGVN đã thực hiện dự án dinh dưỡng ở những nơi này hơn 5 năm. Một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả này là: sự cô lập về địa lý, thiếu nhân viên y tế, các can thiệp bị phân tán ở những địa bàn xa xôi khiến cho việc giám sát cực kỳ khó khăn, ý thức về chăm sóc sức khỏe của cộng đồng còn rất hạn chế. Theo nghiên cứu của Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc về cải thiện dinh dưỡng cho trẻ em vào tháng 4/2013, tỉ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi có thể giảm nhờ những can thiệp đã được chứng minh là hiệu quả như: cải thiện dinh dưỡng cho phụ nữ, đặc biệt trước, trong và sau khi sinh con; nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ trong những tháng đầu đời; sử dụng thực phẩm bổ sung phù hợp và chất lượng; bổ sung vi chất phù hợp. Nghiên cứu này cũng đề xuất nên áp dụng cách tiếp cận lồng ghép đa chiều để giải quyết vấn đề này.

Theo báo cáo đánh giá của CTPTV Kim Động, các Câu lạc bộ Dinh dưỡng vẫn được nhân viên y tế và hội phụ nữ duy trì, sau 2 năm kể từ khi chương trình kết thúc. Đây là bằng chứng thuyết phục về tính bền vững của mô hình Câu lạc bộ Dinh dưỡng. TNTGVN và Viện Dinh dưỡng Quốc gia đã phối hợp để phát triển giáo trình tập huấn và các tài liệu truyền thông, tổ chức hội thảo quốc gia để chia sẻ những bài học kinh nghiệm về mô hình Câu lạc bộ Dinh dưỡng và lập kế hoạch nhân rộng mô hình này tại các tỉnh các vùng không nằm trong vùng dự án của TNTGVN. Tính đến nay, với sự hỗ trợ của Viện Dinh dưỡng Quốc gia, mô hình Câu lạc bộ Dinh dưỡng đã được áp dụng ở 4 khu vực ngoài vùng dự án của TNTGVN nằm ở 2 huyện của tỉnh Hà Nam.

BÀI HỌC VÀ ĐỀ XUẤT

BẢNG 15 – BÀI HỌC VÀ ĐỀ XUẤT CHO MỤC TIÊU 2

NHỮNG BÀI HỌC CHÍNH	NHỮNG ĐỀ XUẤT CỤ THỂ
<ul style="list-style-type: none"> • Việc giám sát mang tính hỗ trợ giúp đảm bảo chất lượng dự án được triển khai tại cấp cơ sở, đặc biệt chức năng và hoạt động của các câu lạc bộ dinh dưỡng và cơ sở y tế. • Giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng, đặc biệt ở khu vực miền núi, đòi hỏi sự cam kết của chính quyền, những mô hình dinh dưỡng đã được chứng minh là hiệu quả, nhân viên phát triển cộng đồng có kỹ năng và được đào tạo cùng phối hợp với cộng đồng, công tác truyền thông và vận động chính sách hiệu quả. TNTGVN đã có những can thiệp lồng ghép đa chiều hiệu quả. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tiếp tục nâng cao chất lượng của mô hình câu lạc bộ dinh dưỡng thông qua việc tích cực giám sát, theo dõi, tập huấn và hỗ trợ khi cần. • Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan y tế cấp trung ương như Bộ Y tế và Viện Dinh dưỡng Quốc gia nhằm thúc đẩy nỗ lực hỗ trợ cho các khu vực miền núi có tỉ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 5 tuổi cao, đồng thời đề xuất nhân rộng các mô hình dinh dưỡng ra cả nước. • Áp dụng cách tiếp cận đa chiều bằng cách lồng ghép những can thiệp về dinh dưỡng với an ninh lương thực, phát triển kinh tế, nước sạch và vệ sinh, ECCD và tài chính vi mô. • Áp dụng những can thiệp nhằm phục hồi dinh dưỡng như mô hình PD/HEARTH ở 21 CTPTV có tỉ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi cao trên 30%. • Áp dụng chỉ tiêu chuyển giao khác nhau đối với từng bối cảnh khác nhau trong chiến lược tiếp theo.

MỤC TIÊU 3: NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG VÀ ĐỐI TÁC ĐỊA PHƯƠNG NHẪM CẢI THIỆN AN SINH TRẺ EM

Những cơ quan đoàn thể như hội Phụ nữ, hội Nông dân duy trì số lượng thành viên lớn và hoạt động trên diện rộng theo bộ máy nhà nước ở các cấp từ trung ương, tỉnh thành, quận huyện đến địa phương, và tiếp tục đóng một vai trò trọng yếu trong đời sống người dân Việt Nam. Trong 5 năm qua, người dân đã ý thức hơn về sự đóng góp của những nhân tố phi chính phủ, vì có nhiều tổ chức xã hội dân sự xuất hiện góp phần giải quyết những vấn đề xã hội. Tuy nhiên, những tổ chức này đang đối diện với những thách thức lớn như ngân sách hạn chế và không ổn định, thiếu hụt nhân viên, sự yếu kém trong quản lý.³¹

Cách tiếp cận của TNTGVN là ghi nhận giá trị của những tổ chức cộng đồng này và tập trung thành lập VDB³² như một cấu trúc để gắn kết những tổ chức khác nhau, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, thúc đẩy đời sống xã hội và tâm linh của người dân trong thôn bản và đẩy mạnh phát triển bền vững hướng tới ASTE. Theo mục tiêu của TNTGVN, VDB dần dần sẽ trở nên bền vững và là một nhân tố tạo nên sự thay đổi trong cộng đồng để tiếp tục đẩy mạnh tiến trình phát triển bền vững hướng đến ASTE sau khi TNTGVN đã rời đi.

CÁC NGUỒN LỰC

BẢNG 16 - NGUỒN LỰC DÀNH CHO XÂY DỰNG NĂNG LỰC TRONG NTC 2013

<ul style="list-style-type: none"> 3 triệu đôla Mỹ, chiếm 18.8% tổng ngân sách (Dự án Xây dựng Năng lực và Phát triển Lãnh đạo) 38 CTPTV và Dự án Phát triển Năng lực cấp Cơ sở tại huyện Phú Cù 1 nhân viên quốc gia và 5 nhân viên kĩ thuật vùng Đối tượng hưởng lợi: 798 VDB, 36 tổ phụ nữ và 19 câu lạc bộ khuyết tật 	
---	--

CÁC KẾT QUẢ VÀ PHÂN TÍCH

BẢNG 17 – KẾT QUẢ XÂY DỰNG NĂNG LỰC

CAN THIỆP	ĐẦU RA/TIẾN BỘ	KẾT QUẢ/THAY ĐỔI
VDB/VDI	<ul style="list-style-type: none"> • 798 VDB được nhân rộng trên 30 CTPTV. • 387/798 VDB (48,5%) hoạt động hiệu quả dựa trên bản đánh giá • 100% thành viên VDB được tập huấn về ASTE, kỹ năng quản lý dự án và làm việc với cộng đồng. • 189 đối tác địa phương tham gia hiệu quả vào 8 đánh giá cuối kỳ và 315 đối tác tham gia vào 11 khóa tập huấn thiết kế và tái thiết kế. • 90% VDB có thể điều phối cuộc họp lập kế hoạch hàng năm ở cấp thôn bản. • 101 thôn bản đã áp dụng phương pháp giám sát dựa vào cộng đồng để giám sát tình trạng ASTE trong thôn bản, cũng như sử dụng số liệu thu thập được để lập kế hoạch năm nhằm giải quyết những vấn đề của trẻ. 	<ul style="list-style-type: none"> • 19 CTPTV có ít nhất 10 VDB đóng góp hiệu quả cho ASTE, gần đạt chỉ tiêu chiến lược là 20 CTPTV. • 569 VDI do VDB thực hiện và quản lý nhằm cải thiện ASTE, với sự đóng góp của địa phương khoảng từ 30-70% ngân sách. • Theo báo cáo đánh giá của CTPTV Kim Động, Quan Sơn, Điện Biên Đông, 60 cộng tác viên thôn bản đã được trang bị để có thể đảm nhận vị trí lãnh đạo trong thôn bản của họ thông qua bầu cử.

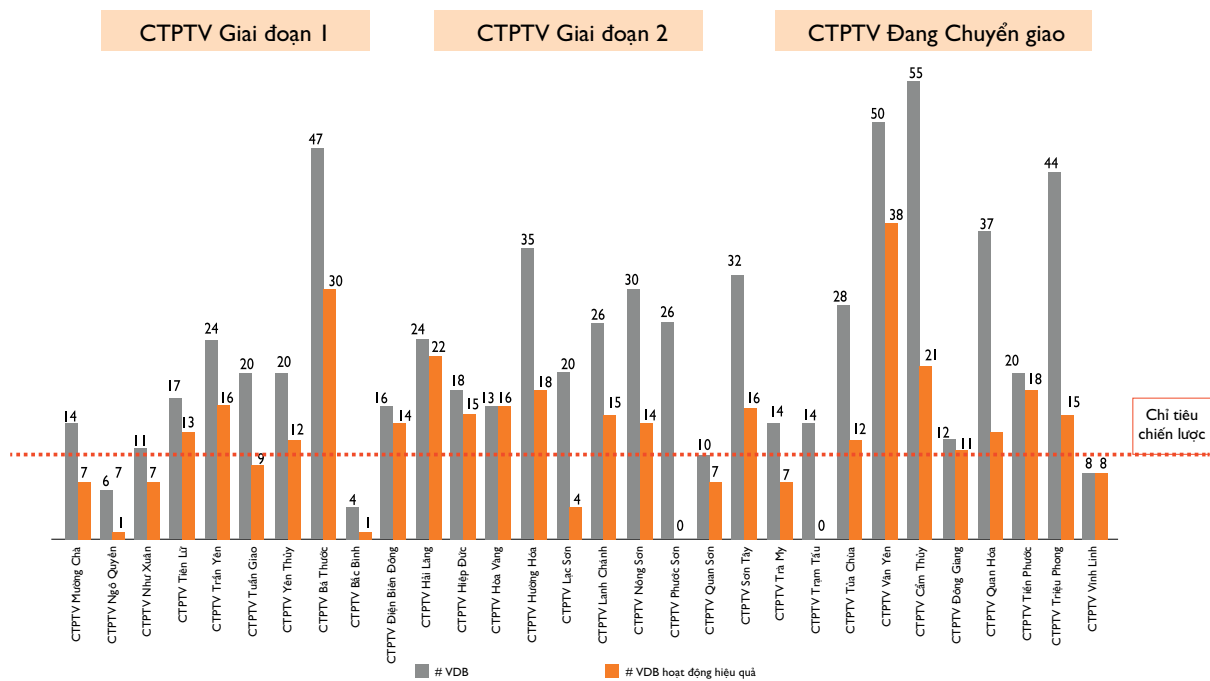
Theo 7 báo cáo đánh giá và 2 khảo sát SLBD, VDB đang đóng góp đáng kể nhằm cải thiện ASTE ở cấp cơ sở, đặc biệt là trong công tác huy động sự tham gia và nguồn lực địa phương trong việc lập kế hoạch năm, thực hiện và quản lý những VDI.

Tuy nhiên, dựa theo bảng đánh giá được 30 CTPTV sử dụng để theo dõi tính hiệu quả của VDB, số lượng VDB hoạt động hiệu quả vẫn còn thấp. Những CTPTV ở giai đoạn 2 và giai đoạn chuyển giao có số lượng VDB và tỉ lệ VDB hoạt động hiệu quả cao hơn CTPTV ở giai đoạn 1. Những lĩnh vực cần cải thiện là xây dựng mục tiêu/tầm nhìn, huy động nguồn lực, sự tham gia của phụ nữ và vai trò của phụ nữ trong ban quản lý VDB. Đây là lĩnh vực đặc biệt yếu ở các khu vực vùng sâu vùng xa như Điện Biên Đông, Tuần Giáo, Mường Chà, Tủa Chùa, Trạm Tấu, Sơn Tây, Quan Sơn, nơi tỉ lệ phụ nữ mù chữ vẫn còn cao và năng lực của người dân địa phương còn thấp. Theo khảo sát SLBD của CTPTV Điện Biên Đông, trong số 16 VDB, không VDB nào có đủ ít nhất 30% thành viên là phụ nữ.

31 Quỹ Châu Á, Xã hội dân sự ở Việt Nam, tháng 10/2012

32 TNTGVN đã nhân rộng mô hình VDB từ NTC 2009

BIỂU ĐỒ 14 – TỔNG SỐ VDB VÀ SỐ VDB HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ THEO CTPTV



Một quan sát khác đó là trong số 569 VDI được thực hiện bởi VDB, 65,1% VDI thuộc về cơ sở hạ tầng như nâng cấp thư viện, sân chơi, phòng họp cộng đồng, đèn đường. Vẫn còn thiếu những VDI được thực hiện nhằm đáp ứng những vấn đề xã hội ở trẻ như tảo hôn và bỏ học.

Tỉ lệ đóng góp của địa phương vào ngân sách VDI thay đổi tùy theo CTPTV. Ví dụ: ở CTPTV Tiên Lữ, có 10 sáng kiến được thực hiện, trong đó đóng góp của cộng đồng là từ 70-73%. Đạt được kết quả cao này là nhờ sau khi cung cấp tập huấn cho thành viên VDB về kỹ năng viết đề xuất và huy động cộng đồng, các nhân viên CTPTV còn theo sát hỗ trợ cho đến khi họ có thể áp dụng những kỹ năng học được để khởi xướng và quản lý các sáng kiến tại thôn bản của họ. Thông qua việc thực hiện những VDI, năng lực của các thành viên được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, tỉ lệ đóng góp của địa phương vào ngân sách VDI còn thấp hơn 30% ở những khu vực vùng sâu vùng xa. Nguyên nhân chủ yếu là vì các thành viên VDB còn thiếu kiến thức phát triển cộng đồng và kỹ năng để xác định những vấn đề xã hội liên quan đến ASTE, và hầu hết họ đều rất nghèo, thiếu khả năng huy động nội lực.

VDB, được thiết lập thông qua quá trình bầu chọn thành viên, thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng. VDB duy trì sự hợp tác chặt chẽ với chính quyền và ban ngành cấp thôn và cùng nhau học hỏi rất nhiều về phát triển cộng đồng, cũng như cách để VDB được duy trì sau khi CTPTV kết thúc. Gần đây, ở 2 huyện có CTPTV đã kết thúc, chính quyền đã sử dụng thành viên VDB để triển khai chương trình “Phát triển Nông thôn Mới”. Trong khuôn khổ của chương trình này, chính quyền dự định thiết lập một mô hình tương tự như VDB. Tại diễn đàn VDB, ông Hiếu, trưởng Ban Quản lý cấp huyện của dự án Phù Cừ nói: “Mô hình VDB đã thu hút người dân địa phương đến với các sinh hoạt phát triển cộng đồng. VDB đã kết nối nguyện vọng của người dân với mục tiêu của TNTGVN. Chính vì thế, VDB là cầu nối giữa TNTGVN và thôn bản, và khuyến khích cộng đồng tăng cường đóng góp vì mục tiêu ASTE.”

CÁC BÀI HỌC VÀ ĐỀ XUẤT

BẢNG 18 – CÁC BÀI HỌC VÀ ĐỀ XUẤT ĐỐI VỚI MỤC TIÊU 3

NHỮNG BÀI HỌC CHÍNH	NHỮNG ĐỀ XUẤT CỤ THỂ
<ul style="list-style-type: none"> Vẫn còn nhiều vấn đề của trẻ trong cộng đồng chưa được các VDB giải quyết thông qua VDI vì đòi hỏi nhiều nỗ lực hơn để huy động sự đóng góp và thực hiện. Hỗ trợ sau tập huấn là điều cần thiết nhằm giúp các thành viên VDB có thể áp dụng điều đã học và nhờ đó nâng cao năng lực của họ. Vì sự hiện diện của phụ nữ trong VDB còn hạn chế, cả về số lượng lẫn chất lượng, nên các vấn đề liên quan đến phụ nữ vẫn chưa được ưu tiên trong cộng đồng. Ở một số CTPTV ở giai đoạn chuyển giao như Cẩm Thủy, Quan Hóa và Triệu Phong, tỉ lệ VDB hoạt động hiệu quả vẫn còn rất thấp, dưới 50%. 	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường sự đóng góp của VDB cho ASTE bằng cách phát triển những VDI đáp ứng được những nhu cầu khác nhau của các nhóm MVC trong cộng đồng. Tiếp tục tập huấn kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng viết đề xuất và huy động cộng đồng cho đối tác địa phương, song song với việc tư vấn và hỗ trợ chặt chẽ. Khuyến khích phụ nữ tham gia vào VDB bằng cách ứng dụng mô hình xóa mù chữ cho người lớn (REFLECT) ở các khu vực miền núi, nơi năng lực phụ nữ còn hạn chế, để xóa mù chữ và cải thiện kỹ năng phát triển cộng đồng cho họ. Các CTPTV ở giai đoạn chuyển giao nên ưu tiên tính bền vững của VDB bằng cách củng cố năng lực cho thành viên VDB và đề xuất chính quyền địa phương sử dụng thành viên VDB cho các chương trình của địa phương.

MỤC TIÊU 4: THỨC ĐẨY QUYỀN TRẺ EM

Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở châu Á và là quốc gia thứ 2 trên thế giới phê chuẩn Công ước quốc tế về Quyền Trẻ em (CRC) vào năm 1990. Kể từ đó đến nay, CRC đã trở thành một khung pháp lý quan trọng ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền trẻ em tại Việt Nam. Gần đây nhất, trong năm 2011, Nhà nước đã thông qua Chương trình Quốc gia về BVTE cho giai đoạn 2011-2015 nhằm đẩy mạnh việc BVTE cấp cơ sở. Một số tổ chức PCPQT, trong đó có TNTGVN, đã tham gia vào việc xây dựng văn kiện quan trọng này.

Mặc dù Nhà nước có nhiều nỗ lực trong việc thúc đẩy quyền trẻ em, một số lớn trẻ em, đặc biệt là MVC, vẫn chưa được hưởng lợi đầy đủ từ các chương trình quốc gia. Những nguyên nhân gây nên điều này gồm có: kiến thức không đầy đủ của cộng đồng về quyền trẻ em, thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước, năng lực yếu kém của nhân viên Nhà nước trong việc thực hiện luật và chính sách về quyền trẻ em.

TNTGVN bắt đầu ưu tiên giải quyết những vấn đề về Quyền Trẻ em ở cấp quốc gia từ năm 2008. Chiến lược của TNTGVN bao gồm những mục tiêu sau:

1. Trao quyền và tạo cơ hội để trẻ đề xuất, thiết kế, thực hiện và quản lý những dự án nhỏ.
2. Vận động một cơ chế bền vững cho sự tham gia của trẻ trong quá trình soạn thảo chính sách.
3. Thúc đẩy việc thực hiện hiệu quả hệ thống BVTE ở cấp tỉnh thành, quận huyện và xã.

CÁC NGUỒN LỰC

BẢNG 19 – CÁC NGUỒN LỰC DÀNH CHO QUYỀN TRẺ EM TRONG NTC 2013

Công tác bảo vệ (bao gồm bảo vệ trẻ em):	853.370 đôla Mỹ	
Vận động chính sách:	137.343 đôla Mỹ	
Trẻ gặp khủng hoảng:	14.112 đôla Mỹ	
38 CTPTV, 4 dự án đặc biệt: Tuổi thơ (Childhood), Chăm sóc mua bán người (ETIP), Chiến dịch Sức khỏe Trẻ em Toàn cầu (Child Health Now Campaign), BVTE.		
2 nhân viên quốc gia		

CÁC KẾT QUẢ VÀ PHÂN TÍCH

Bảng bên dưới thể hiện sự đóng góp của TNTGVN trong công tác BVTE và thúc đẩy sự tham gia của trẻ:

BẢNG 20 – KẾT QUẢ VỀ QUYỀN TRẺ EM

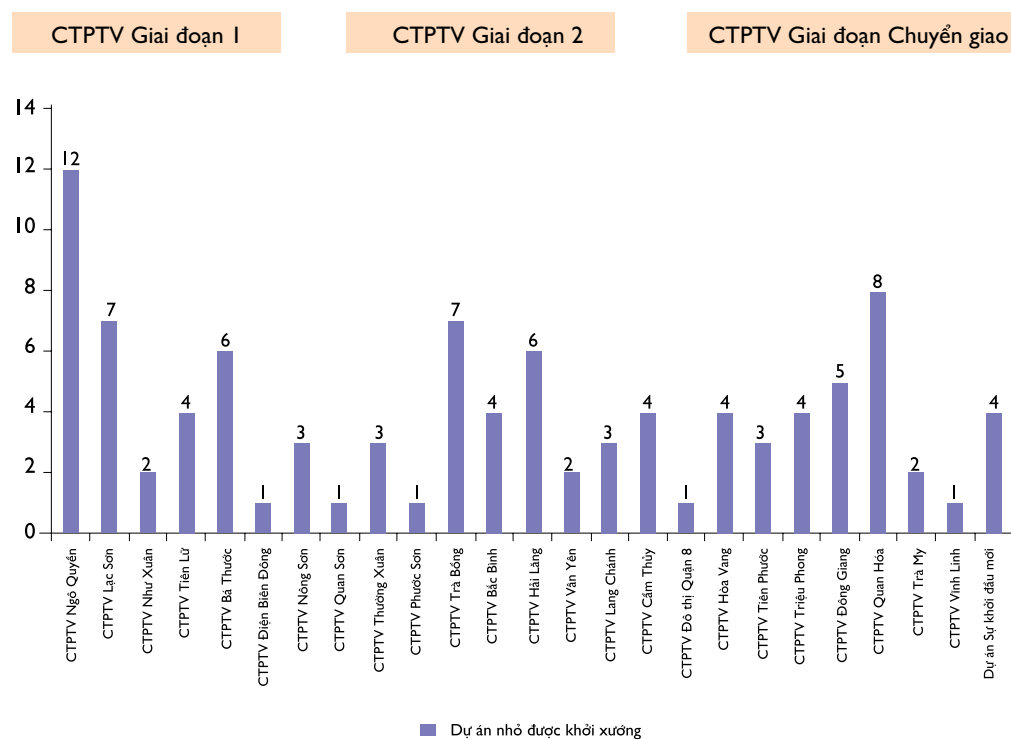
CAN THIỆP	ĐẦU RA/TIẾN BỘ	KẾT QUẢ/THAY ĐỔI
Câu lạc bộ trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> • 662 câu lạc bộ trẻ em hoạt động hiệu quả ở 27 CTPTV, với sự tham gia của 22.029 em. • 35/38 CTPTV trong giai đoạn thực hiện đã thực hiện những hoạt động liên quan đến quyền được tham gia và bảo vệ của trẻ. • 4.104 trẻ tham gia vào quá trình lập kế hoạch năm. 	<ul style="list-style-type: none"> • 7/8 CTPTV đã tiến hành đánh giá trong NTC 2013 đã thành lập câu lạc bộ trẻ em. Báo cáo của 3/7 CTPTV (Điện Biên Đông, Nông Sơn, Bá Thước) cho thấy các câu lạc bộ trẻ em đã giúp cải thiện sự tự tin của các em, điều này không chỉ được cảm nhận bởi chính các em mà còn bởi các giáo viên và người dân. Khi tham gia vào câu lạc bộ, các em có cơ hội được tập huấn về kỹ năng sống, sự tham gia của trẻ, sơ cấp cứu...
Dự án nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> • 98 dự án nhỏ do trẻ ở 25 CTPTV khởi xướng và quản lý (so với 47 dự án trong NTC 2012) về sự tham gia của trẻ và BVTE, phòng chống tai nạn thương tích, HIV/AIDS và bảo vệ môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> • 4/8 CTPTV tiến hành đánh giá (Nông Sơn, Quan Sơn, Bá Thước và Điện Biên Đông) đã triển khai dự án nhỏ. Tuy nhiên, chưa có bằng chứng về tác động lâu dài của những dự án này. • Tuy nhiên, theo báo cáo năm của CTPTV Ngô Quyền, những dự án này đã tạo cơ hội cho trẻ phát triển kỹ năng sống, bao gồm: kỹ năng tương tác, tư duy phản biện, xây dựng mối quan hệ, trách nhiệm xã hội, kiểm soát cảm xúc.

Diễn đàn trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> • 171 trẻ từ 29 tỉnh, đại diện cho hơn 26 triệu trẻ em Việt Nam, đã tham gia Diễn đàn trẻ em Quốc gia và khoảng 350 em ở 6 tỉnh đã đối thoại với cán bộ Nhà nước về những vấn đề mà các em quan tâm, và được lắng nghe phản hồi của Nhà nước. Ý kiến của các em đã được tổng hợp thành 6 kiến nghị gửi đến các bộ liên quan. 	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua các diễn đàn này, sự tham gia của trẻ được các phương tiện truyền thông quảng bá rộng rãi, giúp nâng cao ý thức công chúng về quyền tham gia của trẻ. Các bộ liên quan cũng quan tâm hơn đến sự tham gia của trẻ em trong quá trình lập chính sách, theo lời bà Nguyễn Thị Doan, thành viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
Hệ thống BVTE	<ul style="list-style-type: none"> • 69 hệ thống và mạng lưới BVTE dựa vào cộng đồng hoạt động ở 21 CTPTV ở 7 tỉnh (Bình Thuận, Quảng Nam, Quảng Trị, Thanh Hóa, Điện Biên, Yên Bái, Quảng Ngãi) 	<ul style="list-style-type: none"> • Cải thiện năng lực của nhân viên BVTE của nhà nước và kiến thức của người dân cộng đồng nhằm giải quyết những vấn đề của trẻ. • Bà Đoàn Thị Phương – cộng tác viên hệ thống BVTE dựa vào cộng đồng, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam – nói: <i>“Quyền lợi của trẻ em được chú ý và bảo vệ nhiều hơn kể từ khi hệ thống BVTE dựa vào cộng đồng được thành lập”</i>. Bà Nguyễn Thùy – Phó giám đốc Sở LĐ-TB-XH tỉnh Quảng Nam – nói: <i>“Tình trạng vi phạm quyền trẻ em, lạm dụng và bạo hành trong tỉnh đã giảm từ khi hệ thống BVTE dựa vào cộng đồng được thành lập”</i>
Vận động chính sách	<ul style="list-style-type: none"> • 34.557 trẻ 10-16 tuổi trên cả nước đã tham gia khảo sát bằng cách tích cực gợi ý kiến của mình đến những người soạn thảo chính sách. 	<ul style="list-style-type: none"> • Ý kiến của trẻ em được đề cao bởi những nhà soạn thảo chính sách, bởi báo cáo khảo sát cung cấp những thông tin quý giá về quan điểm của các em về những thách thức cũng như đề xuất để cải thiện tình hình. Những nhà làm chính sách khẳng định sẽ xem xét ý kiến của các em khi xây dựng chính sách, theo lời bà Nông Thị Ngọc Minh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của quốc hội.

Mặc dù mô hình câu lạc bộ trẻ em là một mô hình hiệu quả để khuyến khích sự tham gia của trẻ vào chương trình, theo báo cáo đánh giá của 3/7 CTPTV, vẫn còn nhiều lĩnh vực cần được cải thiện để câu lạc bộ trẻ em hoạt động hiệu quả và đóng góp tốt hơn cho ASTE như: nhân viên mới không có khả năng tuân thủ đầy đủ các bước thành lập câu lạc bộ, thiếu cơ hội thực hành kỹ năng sống cho trẻ, thiếu kế hoạch rõ ràng để câu lạc bộ phát triển và hoạt động lâu dài.

Bên cạnh những câu lạc bộ trẻ em cấp tiểu học, CTPTV Bà Thước báo cáo rằng các câu lạc bộ cho học sinh cấp hai đã bắt đầu hoạt động hiệu quả. Những câu lạc bộ này được thiết lập dựa trên hệ thống có sẵn của Đoàn Thanh niên và Đội thiếu niên tiến phong, giúp đảm bảo tính bền vững và ổn định của câu lạc bộ.

BIỂU ĐỒ 15 – SỐ LƯỢNG DỰ ÁN NHỎ DO TRẺ TỰ KHỞI XƯƠNG VÀ QUẢN LÝ THEO CTPTV



Quyền trẻ em được lồng ghép trong mọi lĩnh vực. Ví dụ: tại câu lạc bộ dinh dưỡng và nhóm trẻ cộng đồng, những người chăm sóc trẻ được tập huấn về BVTE, phòng ngừa tai nạn thương tích, phát triển thể chất và trí tuệ cho trẻ dưới 5 tuổi.

TNTGVN đã thực hiện lồng ghép thành công hệ thống BVTE dựa vào cộng đồng vào hệ thống Nhà nước ở 4 tỉnh trong năm 2013. Ở tỉnh Quảng Nam, TNTGVN chỉ đóng góp 20% ngân sách hàng năm cho hoạt động của hệ thống BVTE. Sở LĐ-TB-XH tỉnh Quảng Nam có kế hoạch nhân rộng hệ thống này ra tất cả các huyện trong tỉnh. Nhờ lồng ghép vào hệ thống nhà nước, hy vọng rằng hệ thống này sẽ tiếp tục hoạt động hiệu quả ở các huyện và xã sau khi TNTGVN rời đi.

CÁC BÀI HỌC VÀ ĐỀ XUẤT CHO MỤC TIÊU 4

BẢNG 21 – CÁC BÀI HỌC VÀ ĐỀ XUẤT CHO MỤC TIÊU 4

BÀI HỌC CHỦ CHỐT	ĐỀ XUẤT TRONG HÀNH ĐỘNG
<ul style="list-style-type: none"> • Các mô hình, sáng kiến và can thiệp nhằm thúc đẩy quyền trẻ em của các CTPTV/dự án chưa được tài liệu hóa một cách bài bản để chia sẻ ở cấp tỉnh thành và trung ương. 	<ul style="list-style-type: none"> • Những thực hành tốt liên quan đến can thiệp về quyền trẻ em cần được tài liệu hóa để chia sẻ với nhóm công tác quốc gia về quyền trẻ em.
<ul style="list-style-type: none"> • Hầu hết các câu lạc bộ trẻ em không hoạt động hiệu quả và chủ yếu tập trung vào học sinh tiểu học. 	<ul style="list-style-type: none"> • Giám sát tính hiệu quả các câu lạc bộ trẻ em, đồng thời áp dụng mô hình này cho trẻ 12-18 tuổi.
<ul style="list-style-type: none"> • Mạng lưới BVTE do CTPTV thiết lập ở các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Thuận và Điện Biên cần được lồng ghép với hệ thống nhà nước để đảm bảo tính bền vững trong tương lai. 	<ul style="list-style-type: none"> • Lồng ghép mạng lưới BVTE vào hệ thống của nhà nước, ít nhất ở 1 trong 3 tỉnh mà mạng lưới này chưa được lồng ghép.
<ul style="list-style-type: none"> • Thiếu sự giám sát chặt chẽ đối với việc thực hiện những kiến nghị của trẻ được đưa lên qua các diễn đàn trẻ em các cấp. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tiếp tục theo dõi sau khi những sự kiện vận động chính sách như Diễn đàn Trẻ em kết thúc và báo cáo kết quả thực hiện những kiến nghị được đưa lên tại các sự kiện trước đó.



MỤC TIÊU 5: NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG ĐỂ QUẢN LÝ RỦI RO THẢM HỌA VÀ KHỦNG HOẢNG

Thiên tai ở Việt Nam là một trở ngại lớn đối sự phát triển kinh tế bền vững. Thiên tai có thể tác động làm tình trạng đói nghèo trở nên trầm trọng hơn và hủy phá những thành tựu đạt được trong tiến trình phát triển, làm tăng sự chênh lệch về mức sống và khiến quá trình xóa đói giảm nghèo trì trệ ở những khu vực chịu ảnh hưởng của thiên tai. Hàng năm, hàng triệu người chịu ảnh hưởng của thiên tai cần được hỗ trợ. Nhiều trường hợp do hậu quả của thiên tai mà trở nên dễ bị tổn thương và rất nghèo. Thiên tai cũng là nguy cơ tiềm tàng dẫn đến mất trật tự xã hội.

Việt Nam là một trong 5 quốc gia chịu ảnh hưởng nghiêm trọng nhất đối với tác động của biến đổi khí hậu. Theo báo cáo Phát triển Con người của UNDP (2007/2008), khoảng 22 triệu người Việt Nam chịu ảnh hưởng của sự nóng lên toàn cầu.

TNTGVN là một thành viên sáng lập của Nhóm các tổ chức Quản lý Thiên Tai (DMWG), một mạng lưới điều phối hoạt động liên quan đến thiên tai tại Việt Nam.

Trong NTC 2013, Việt Nam may mắn chỉ gặp một vài thiên tai rải rác và ở mức độ nhỏ, nên các CTPTV ở vùng chịu ảnh hưởng có thể hỗ trợ kịp thời. Đối với công tác DRR - CCA, các CTPTV/dự án đã có nhiều nỗ lực để hỗ trợ cho đối tác và cộng đồng địa phương phát triển CDPP/ CBDRRP ở các cấp, cũng như nâng cao năng lực của Nhóm phụ trách công tác Cứu trợ khẩn cấp (RRT) tại địa phương và nhân rộng mô hình DRR - CCA lấy trẻ em làm trung tâm.

Do tác động tiêu cực của lạm phát, giá cả gia tăng và kinh tế trì trệ trên người nghèo, TNTGVN cung cấp dịch vụ tài chính vi mô phù hợp để họ có thể quản lý hiệu quả và giảm nhẹ ảnh hưởng của khủng hoảng mà gia đình con cái họ đang phải đương đầu.

CÁC NGUỒN LỰC

BẢNG 22 – NGUỒN LỰC DÀNH CHO HEA/DRR TRONG NTC 2013

1.090.821 đôla Mỹ cho cả HEA và DRR - CCA
 46% từ nguồn Bảo trợ và 54% từ nguồn chính phủ (ADH, AusAID)
 38 CTPTV và 2 Dự án Đặc biệt (BRICK, CATREND)
 3 Nhân viên quốc gia
 Đối tượng hưởng lợi: khoảng 1,5 triệu người từ các hoạt động HEA và DRR - CCA



CÁC KẾT QUẢ VÀ PHÂN TÍCH

Sau đây là tóm tắt về kết quả và tiến bộ mà các CTPTV/Dự án đạt được trong NTC 2013:

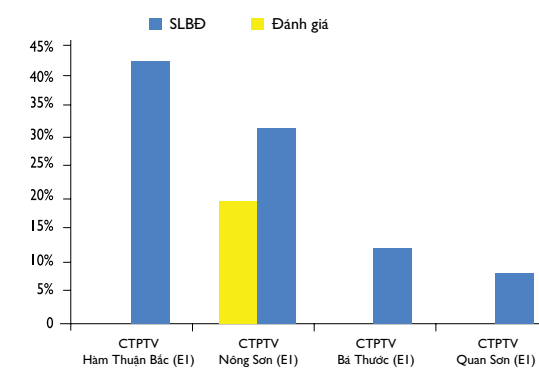
BẢNG 23 – KẾT QUẢ CỨU TRỢ KHẨN CẤP/ GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI

CAN THIỆP	ĐẦU RA/TIẾN BỘ	KẾT QUẢ/THAY ĐỔI
CDPP/ CBDRRP	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng năng lực cho đối tác địa phương, cộng đồng 528 CDPP/ CBDRRP ở cấp thôn bản tại 26 CTPTV 	<ul style="list-style-type: none"> Trong số 8 đánh giá được thực hiện trong NTC 2013, tình chống chịu của cộng đồng đã được đo lường ở 4 CTPTV, nhưng chỉ có một CTPTV (Nông Sơn) có SLBD và có khả năng chống chịu của cộng đồng tăng 11,9%. Ông Vũ - Chủ tịch xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa - cho biết: “Cộng đồng của chúng tôi tự tin hơn để đối phó với thiên tai bởi vì người dân địa phương đã có thêm kiến thức về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và có những hành động chuẩn bị ứng phó với thiên tai”.³³ Hỗ trợ cộng đồng chuẩn bị CDPP/ CBDRRP ở cấp hộ gia đình và cộng đồng, cũng như xác định và áp dụng những cơ hội sinh kế thích ứng đã góp phần giúp những nỗ lực của CTPTV/Dự án được bền vững. Ông Duyên - trưởng đội RRT thôn Đông Tây Hải, tỉnh Thanh Hóa - cho biết “Chúng tôi rất vui mừng khi áp dụng những kiến thức, kỹ năng và thiết bị được TNTGVN cung cấp để cứu sống 5 người dân trên biển”.³⁴

33 Báo cáo NTC 2013 của Dự án CATREND

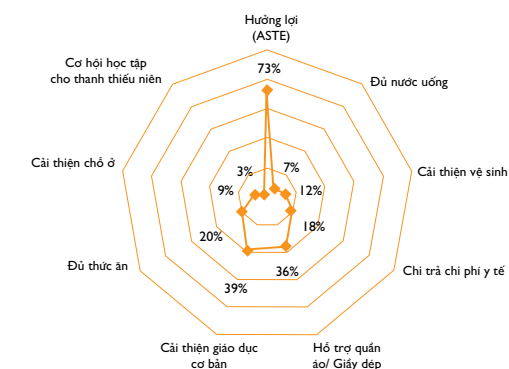
34 Báo cáo NTC 2013 của Dự án CATREND

DRR - CCA lấy trẻ em làm trung tâm	<ul style="list-style-type: none"> 23 CTPTV/Dự án báo cáo đã nhân rộng mô hình DRR - CCA lấy trẻ em làm trung tâm. Nâng cao nhận thức và kỹ năng cho giáo viên trong việc ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. 	<ul style="list-style-type: none"> Giảm tính dễ bị tổn thương của trẻ em đối với ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu. Ở những nơi mà trẻ em được tập huấn về DRR - CCA, các em có thể bảo vệ gia đình mình cũng như nói cho cha mẹ biết cách đối phó với thiên tai tốt hơn. Cô Lê Thị Mỹ Tịnh, giáo viên lớp 8 trường Tiểu học Triệu Trạch, chia sẻ: “Nhờ có các khóa tập huấn của TNTGVN, bây giờ chúng tôi đã biết cách bảo vệ bản thân khỏi sấm sét, giúp các phụ huynh lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó với thiên tai để bảo vệ cuộc sống và tài sản của mình.”³⁵
DỰ ÁN BRICK 36	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cao năng lực của tỉnh Thanh Hóa để triển khai chương trình quốc gia về Quản lý Rủi ro Thảm họa dựa vào Cộng đồng (quyết định 1002 của Thủ tướng Chính phủ) và lồng ghép DRR - CCA vào tiến trình lập kế hoạch của địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> Giảm thiểu tác động tiêu cực của thiên tai do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.



BIỂU ĐỒ 16 - % HỘ GIA ĐÌNH KHÔNG SỬ DỤNG BẤT CỨ CƠ CHẾ ỨNG PHÓ NÀO TRONG NĂM QUA

Theo phản ánh từ các phương tiện truyền thông quốc tế và địa phương về công tác ứng phó của địa phương đối với thiên tai trong NTC 2013 vừa qua (bão NARI, WUTIP, HAIYAN), năng lực phòng ngừa và ứng phó của người dân địa phương đã cải thiện đáng kể, điều này cũng góp phần làm tăng khả năng chống chịu của cộng đồng đối với thiên tai.



BẢNG 24 – TRẺ ĐƯỢC HƯỞNG LỢI TỪ CHƯƠNG TRÌNH TÀI CHÍNH VI MÔ

Trong NTC 2013, có 74% khách hàng tài chính vi mô có trẻ và 14.524 trẻ được hưởng lợi.

CÁC BÀI HỌC VÀ ĐỀ XUẤT

BẢNG 25 – CÁC BÀI HỌC VÀ ĐỀ XUẤT ĐỐI VỚI MỤC TIÊU 5

NHỮNG BÀI HỌC CHÍNH	NHỮNG ĐỀ XUẤT CỤ THỂ
<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng năng lực cho đối tác và cộng đồng địa phương là điều rất quan trọng, bởi nhân viên nhà nước có thể được thay đổi thường xuyên. Kết nối với các tổ chức PCPQT và cơ quan khác, lồng ghép với các lĩnh vực khác là điều quan trọng để tránh trùng lặp và phát huy tối đa nỗ lực. 	<ul style="list-style-type: none"> Lồng ghép các hoạt động DRR-CCA với Y tế, Nông nghiệp, Vận động chính sách, BVTE, Giáo dục, Tài chính vi mô, có thể phát huy tối đa tác động lên trẻ. Trong quá trình thiết kế bất kỳ hoạt động nào thuộc những lĩnh vực trên, những rủi ro như thảm họa và biến đổi khí hậu cần được xem xét thấu đáo, nhờ đó những rủi ro này có thể được giảm nhẹ.

35 Báo cáo NTC 2013 của CTPTV Triệu Phong

36 Phối hợp với tổ chức CARE Quốc tế, từ 11/2011 - 06/2013, đồng tài trợ bởi Aktion Deutschland Hilft (ADH) và Tầm nhìn Thế giới Đức

MỤC TIÊU 6: ƯU TIÊN TRẺ DỄ BỊ TỔN THƯƠNG NHẤT

TNTGVN đặc biệt quan tâm đến MVC trong mọi phương diện của chương trình, bao gồm cả những dự án đặc biệt tập trung cải thiện sức khỏe và BVTE. Chiến lược của TNTGVN nhấn mạnh sự tham gia của MVC vào các hoạt động phát triển cũng như ưu tiên MVC nhằm đảm bảo các em được hưởng lợi từ những thành tựu của mỗi chương trình.

30 CTPTV đã xác định được danh sách MVC sử dụng công cụ xác định MVC có sự tham gia của cộng đồng.

33 CTPTV và 7 Dự án Đặc biệt có can thiệp cho MVC.

MVC TẠI VIỆT NAM LÀ NHỮNG AI?

Dựa theo báo cáo 6 tháng của Bộ LĐ-TB-XH ngày 28/06/2013, Việt Nam có 26.405.3346 trẻ em, trong đó 1.473.374 trẻ thuộc đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.³⁷

TNTGVN đã điều chỉnh và áp dụng công cụ “Tìm hiểu Bối cảnh 1,2,3” thuộc bộ công cụ Cách tiếp cận Chương trình phát triển (DPA) nhằm có những hiểu biết rõ hơn về MVC trong giai đoạn Đánh giá và Thiết kế. Trên địa bàn TNTGVN đang hoạt động, có 300.000 trẻ được 30 CTPTV ưu tiên trực tiếp, trong đó có 17.000 trẻ thuộc đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Những yếu tố gây tổn thương phổ biến nhất cho các em trong các chương trình của TNTGVN là: nghèo đói, suy dinh dưỡng, trẻ sống ở khu vực chịu ảnh hưởng của thiên tai, trẻ gặp nguy hiểm không được bảo vệ, trẻ bị thương tích như chết đuối và tai nạn giao thông.

MVC ĐƯỢC TÌM THẤY Ở ĐÂU?

TNTGVN làm việc ở những huyện nghèo nhất với 33/43 CTPTV tại khu vực vùng núi, nơi có 90% MVC đã được đưa vào trong chương trình.

Các chương trình của TNTGVN có mặt ở 6/20 tỉnh nghèo nhất và 14/62 huyện nghèo nhất, nơi tỉ lệ nghèo đói cao hơn 50%³⁸. Các khu vực CTPTV được lựa chọn, dựa theo những Chỉ số đầu vào của TNTGVN, là những nơi có ít nhất 30% hộ gia đình thuộc diện nghèo đói và tỉ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ dưới 5 tuổi cao hơn 30%.

TẠI SAO TRẺ DỄ BỊ TỔN THƯƠNG?

Ở hầu hết những nơi mà TNTGVN đang hoạt động, tình trạng đói nghèo được biết đến như là yếu tố chính dẫn đến tình trạng tổn thương ở trẻ em, đặc biệt là trẻ sống ở những khu vực miền núi và vùng sâu vùng xa. Nguyên nhân là do trẻ thiếu cơ hội tiếp cận với những dịch vụ cơ bản có chất lượng (giáo dục, y tế, bảo vệ) và ý thức về quyền trẻ em của người nuôi dưỡng cũng như của chính các em còn kém.

NHỮNG CAN THIỆP HỖ TRỢ MVC

Dựa trên tính dễ bị tổn thương của MVC, TNTGVN đã lồng ghép các can thiệp hỗ trợ MVC vào 33 CTPTV.

Một số dự án đặc biệt nhằm đáp ứng nhu cầu đặc biệt của các nhóm MVC đang được triển khai, chẳng hạn như: dự án HIV hỗ trợ 160 và 120 trẻ mồ côi và trẻ dễ bị tổn thương (OVC) lần lượt ở CTPTV Điện Biên Đông và Phước Sơn; dự án Sự khởi đầu mới dành cho trẻ không đăng ký ở một làng chài ở thành phố Hải Phòng; dự án Tuổi Thơ được triển khai ở thành phố Hải Phòng, Hà Nội, Hồ Chí Minh để ngăn chặn nạn lạm dụng tình dục trẻ em trong du lịch; chương trình Chấm dứt mua bán người được thực hiện ở Yên Bái, Quảng Nam và Quảng Trị để bảo vệ trẻ khỏi nguy cơ bị mua bán...

CÁC BÀI HỌC VÀ ĐỀ XUẤT

BẢNG 26 – CÁC BÀI HỌC VÀ ĐỀ XUẤT ĐỐI VỚI MỤC TIÊU 6

NHỮNG BÀI HỌC CHÍNH	NHỮNG ĐỀ XUẤT CỤ THỂ
<ul style="list-style-type: none">Các số liệu thứ cấp về MVC đôi khi không phản ánh được thực trạng bởi vì danh sách MVC không kể đến một số yếu tố gây tổn thương như: tệ nạn buôn bán trẻ, tình trạng nghèo đói cùng cực...Thiếu hướng dẫn cụ thể về những can thiệp cho từng nhóm MVC.Hoạt động ở những khu vực vùng sâu vùng xa nơi có nhiều trẻ MVC là một thách thức lớn đối với vấn đề nhân sự và giám sát.	<ul style="list-style-type: none">Phối hợp với chính quyền để cải thiện độ tin cậy của số liệu về MVC, đặc biệt thông qua việc rà soát lại danh sách MVC mỗi 6 tháng.Phân loại số liệu dựa theo độ tuổi, dân tộc, khuyết tật và các nhóm MVC khác khi đo các chỉ tiêu ASTE.Phát triển tài liệu hướng dẫn can thiệp cho từng nhóm MVC.Nỗ lực hơn để hỗ trợ và chăm sóc cho các nhân viên đang làm việc ở những khu vực vùng sâu vùng xa nhằm nâng cao sự gắn kết của họ.

37 Trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, theo định nghĩa của “Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục Trẻ em” của Việt Nam bao gồm: 1) trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi; 2) trẻ em khuyết tật, tàn tật; 3) trẻ em là nạn nhân của chất độc hoá học; 4) trẻ em nhiễm HIV/AIDS; 5) trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại; 6) trẻ em phải làm việc xa gia đình; 7) trẻ em lang thang; 8) trẻ em bị xâm hại tình dục; 9) trẻ em nghiện ma túy; 10) trẻ em vi phạm pháp luật.

38 Bản đồ nghèo đói của Việt Nam năm 2012.

KẾT LUẬN

Quá trình chuẩn bị báo cáo ASTE là một cơ hội tốt để TNTGVN đánh giá lại công việc hiện tại và xác định những thiếu sót về chiến lược và chương trình cần được cải thiện trong thời gian tới. Nhiều đánh giá, khảo sát SLBD và đo lường chỉ tiêu ASTE được thực hiện trong NTC 2013 cung cấp một lượng thông tin giá trị cho báo cáo. Nhóm điều phối bao gồm đại diện các phòng ban đã phối hợp với nhau một cách rất nhịp nhàng trong tinh thần đồng đội cao. Đây là một cơ hội học hỏi tuyệt vời cho toàn tổ chức, cũng như cho mỗi cá nhân tham gia vào quá trình báo cáo, không chỉ về cách mà mỗi chương trình/ dự án/ lĩnh vực/ vị trí đóng góp vào mục tiêu chung là an sinh bền vững cho trẻ em, mà còn về cách phân tích dữ liệu nhằm đưa ra những bài học và đề xuất để cải thiện. Ngoài ra, hội thảo phân tích số liệu 2 ngày đã giúp cả nhóm có thời gian cùng nhau đưa ra những phát hiện và phân tích, vốn là phần quan trọng nhất trong báo cáo. Mặc dù vẫn còn nhiều điểm có thể được cải thiện trong năm tới, chúng tôi rất hài lòng với khởi đầu tốt đẹp này, bởi đây là lần đầu tiên TNTGVN thực hiện báo cáo ASTE.

Những thách thức chính yếu mà chúng tôi phải đối diện là: thiếu số liệu thứ cấp đáng tin cậy, thiếu kỹ năng phân tích sâu các kết quả ở cấp cơ sở, sức ép về thời gian. Một số nhân viên và đối tác tham dự vào các sự kiện Thiết kế, Giám sát và Đánh giá, thiếu năng lực, dẫn đến rủi ro lớn về chất lượng thông tin không được đảm bảo. Hệ thống quản lý thông tin (MIS) lẽ ra phải hỗ trợ đắc lực cho báo cáo ASTE nhưng đã không hữu ích vì số liệu chưa được hoàn chỉnh, do gần đây TNTGVN đã tạm ngưng đầu tư thời gian và công sức vào hệ thống này, với mong đợi Horizon 3.0 có thể thay thế MIS trong tương lai³⁹. Bộ chỉ số chuẩn chỉ mới được giới thiệu trong vòng 2 năm gần đây và chỉ được áp dụng ở những CTPTV vừa (tái) thiết kế. Vì vậy, SLBD chưa có ở nhiều trường hợp. Một số chỉ số của mục tiêu chiến lược vẫn còn ở cấp độ đầu ra hay quy trình, thay vì phải ở cấp độ kết quả/ tác động. Vì việc báo cáo ASTE là một trách nhiệm bổ sung, được thêm vào những công việc hiện tại, nên một số thành viên của nhóm điều phối không thể đầu tư đầy đủ thời gian và công sức cho công tác này, đặc biệt là khi thời gian báo cáo từ tháng 12/2013 đến tháng 02/2014 lại rơi vào đúng 2 kỳ lễ lớn là Giáng Sinh và Tết Âm lịch.

Để đảm bảo quá trình này tiết kiệm thời gian và hiệu quả hơn trong năm tới, TNTGVN có những đề xuất sau:

- Chiến lược mới cho 3 năm 2015-2017 nên tập trung hơn, có hướng dẫn ưu tiên rõ ràng; tất cả chỉ số cho các mục tiêu chiến lược nên ở cấp độ kết quả và được lấy từ bộ chỉ số ASTE và chỉ tiêu ASTE chuẩn.
- Những CTPTV mới và tái thiết kế nên tiếp tục đưa các chỉ số chuẩn vào (tái) thiết kế, không chỉ ở cấp độ kết quả mà còn ở cấp độ giám sát (đầu ra).
- Hệ thống giám sát ở CTPTV/dự án cần được củng cố để cung cấp một bộ số liệu thống nhất cho nhiều mục đích khác nhau.
- Việc tổng hợp số liệu cho báo cáo ASTE nên được thực hiện đồng bộ và có hệ thống trong suốt năm, bao gồm việc đưa ra hướng dẫn rõ ràng hơn về cách tổng hợp thông tin định tính và tóm tắt kết quả các đánh giá và khảo sát SLBD được thực hiện trong năm.
- Mẫu tóm tắt thông tin nên được rút ngắn với hướng dẫn rõ hơn cho từng phần và nên được phổ biến sớm hơn để giúp thu thập thông tin ngay khi có.
- Nên thực hiện bước lọc số liệu để đảm bảo tính chính xác, nhất quán và đáng tin cậy của số liệu được sử dụng.
- Nên có một ngày nghỉ giữa hội thảo phân tích số liệu và hội thảo các bên liên quan để có thời gian điều chỉnh lại bản tóm tắt thống tin dựa trên những ý kiến thu thập được. Càng chuẩn bị trước những hội thảo này bao nhiêu, càng tốt bấy nhiêu.

Cuối cùng, chúng tôi nhận thấy có sự chênh lệch giữa thời gian báo cáo và thời gian lập kế hoạch năm. Vào thời điểm báo cáo ASTE của NTC 2013 được hoàn thành, quá trình lập kế hoạch cho NTC 2014 đã hoàn tất ở cả cấp quốc gia lẫn CTPTV/Dự án. Vì vậy, rất khó để sử dụng kết quả báo cáo cho năm nay. TNTGVN kiến nghị rằng hoặc quá trình báo cáo ASTE nên được tiến hành sớm hơn, hoặc những đề xuất của báo cáo ASTE trong NTC 2013 nên được thực hiện trong NTC 2015.



39 TNTGVN sẽ tham gia thử nghiệm tính chấp nhận của người sử dụng đối với Horizon 3.0 trong những tháng tới.



TÂM NHÌN THẾ GIỚI VIỆT NAM

Tầng 4, tòa nhà HEAC 14-16 Hàm Long
Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3943 9920 | Fax: (84-4) 3943 9921
Website: www.wvi.org/vietnam